

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÒA BÌNH

CẨM NANG

**Các chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước
về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và tiếp xúc,
làm việc với nước ngoài**

(Tài liệu phổ biến pháp luật dành cho CBGV Trường Đại học Hòa Bình)

Hà Nội, tháng 06 năm 2025

LỜI NÓI ĐẦU

Trường Đại học Hòa Bình được thành lập theo Quyết định số 244/QĐ -TTg ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính Phủ. Trụ sở chính của Nhà trường đặt tại phố Bùi Xuân Phái, Khu đô thị Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Thực hiện Kết luận số 90-KL/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh quốc gia trong hợp tác quốc tế về văn hóa, giáo dục và đào tạo và Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; căn cứ chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 2728/BGDĐT-HTQT ngày 29/5/2025 về việc tăng cường bảo đảm an ninh quốc gia trong hợp tác quốc tế tại các cơ sở giáo dục đại học và phối hợp cung cấp thông tin về hoạt động hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong giáo dục đại học; Trường Đại học Hòa Bình xây dựng ***“Cẩm nang các chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và tiếp xúc, làm việc với nước ngoài”***.

Cẩm nang là công cụ để Đảng viên, cán bộ, giảng viên trong Trường nắm bắt và tham chiếu cụ thể trong quá trình thực hiện để đảm bảo triển khai nghiêm túc các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và tiếp xúc, làm việc với người nước ngoài.

Cẩm nang gồm 2 phần, Phần A tóm tắt và phân loại các quy định theo 6 nhóm vấn đề về (i) Hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo trong tình hình mới; (ii) Hợp tác, đầu tư; (iii) Thông tin đối ngoại; (iv) Quy định đối với Đảng viên, cán bộ, giảng viên ra nước ngoài và chế tài xử lý vi phạm; Phần B tổng hợp toàn văn các văn bản quy định hiện hành và các văn bản cập nhật, thay thế tại các đường link website Trường Đại học Hòa Bình để tiện tra cứu toàn văn.

Trong quá trình thực hiện, nếu cần thêm thông tin, xin vui lòng liên hệ Phòng Quản lý Khoa học, Hợp tác quốc tế và Xuất bản, Phòng B206, Trường Đại học Hòa Bình, số 8 Bùi Xuân Phái, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội hoặc email icd@daihochoabinh.edu.vn ./.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....	2
MỤC LỤC.....	3
PHẦN A – CÁC QUY ĐỊNH.....	6
I - HỘI NHẬP QUỐC TẾ TRONG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRONG TÌNH HÌNH MỚI	7
1. Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị Hội nhập quốc tế trong tình hình mới.....	7
2. Đề án Hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo đến năm 2030	8
II. QUY ĐỊNH VỀ HỢP TÁC, ĐẦU TƯ CỦA NƯỚC NGOÀI TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐẠI HỌC	10
1. Quy định về liên kết đào tạo với nước ngoài	11
2. Các quy định về thi cấp chứng chỉ <i>năng lực ngoại ngữ của nước ngoài</i> ...	16
3. Các quy định liên quan đến phân hiệu, văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam.....	18
4. Bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục trong liên kết đào tạo.....	19
5. Tài chính trong hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong liên kết đào tạo.....	19
6. Quy định về việc thành lập phân hiệu, văn phòng đại diện của cơ sở đào tạo nước ngoài	20
7. Quy định về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài	22
III – THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI	24
1. Thông tin đối ngoại và công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới ..	24
2. Phát ngôn đối ngoại.....	27
3. Cung cấp và tuyên truyền thông tin đối ngoại	28
V- ĐOÀN RA, ĐOÀN VÀO, HỘI THẢO QUỐC TẾ	28
1. Quy định về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam...	28
2. Quy định về đoàn ra, đoàn vào.....	35

3. Quy định về việc tiếp khách nước ngoài, tổ chức tiệc chiêu đãi, tặng quà cho đối tác nước ngoài	40
IV - QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC, CHẾ TÀI, KHEN THƯỞNG LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC RA NGUỒN NGOÀI VÀ TIẾP XÚC VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI	42
1. Đảng viên và kỷ luật đảng liên quan đến nước ngoài, hợp tác quốc tế	42
2. Quy định đối với cán bộ, giảng viên ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật	45
3. Khen thưởng đối với tập thể, cá nhân người nước ngoài có thành tích trong hợp tác quốc tế.....	48
PHẦN B – CÁC VĂN BẢN	50
1. Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục	50
2. Nghị định số 15/2019/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp.....	50
3. Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg: Tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam.....	50
4. Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 8/7/2020 của Chính phủ quy định về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.....	50
5. Quyết định 3767/QĐ-BGDĐT ngày 18/11/2020 ban hành Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của Bộ GD&ĐT. (Việc tổ chức tiệc chiêu đãi, tặng quà cho đối tác nước ngoài).....	50
6. Nghị định số 86/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật.....	50
7. Quy định số 37-QĐ/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm	51
8. Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài	51
9. Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài	51

10. Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm (liên quan đến nước ngoài, hợp tác quốc tế) 51
11. Kết luận số 57-KL/TW ngày 15/6/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới ... 51
12. Nghị định số 124/2024/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục..... 51
13. Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 19/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo đến năm 2030. 52
14. Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học; đại học 52
15. Nghị quyết 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế trong tình hình mới..... 52
16. Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BGDĐT hướng dẫn thực hiện 02 Nghị định số Nghị định số 86/2021/NĐ-CP và Nghị định số 124/2024/NĐ-CP về hợp tác, đầu tư nước ngoài..... 52

PHẦN A – CÁC QUY ĐỊNH

I - HỘI NHẬP QUỐC TẾ TRONG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRONG HÌNH MỚI

1. Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị Hội nhập quốc tế trong tình hình mới

Đầu năm 2025, Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị ban hành ngày 24/01/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới đã được ban hành. Đây là một quyết sách quan trọng của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong bối cảnh mới (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 59), đánh dấu bước ngoặt trong quá trình hội nhập của Việt Nam. Nghị quyết xác định hội nhập quốc tế là động lực chiến lược, đồng thời đề ra mục tiêu, quan điểm, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp lớn để nâng cao chất lượng, hiệu quả hội nhập, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nghị quyết số 59 là quyết sách đột phá, đánh dấu bước ngoặt lịch sử trong tiến trình hội nhập quốc tế của đất nước, xác định hội nhập là động lực chiến lược để Việt Nam vững bước vào kỷ nguyên mới. Nghị quyết thể hiện tầm nhìn sâu sắc: hội nhập quốc tế không chỉ là mở cửa, giao lưu, mà là một sự nghiệp tổng hợp, đòi hỏi sự chủ động, tích cực và rất có bản lĩnh.

Nội dung chính của Nghị quyết số 59 gồm mục tiêu và quan điểm chỉ đạo và 7 điểm trong phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp lớn.

Về mục tiêu và quan điểm chỉ đạo, Nghị quyết đề ra 02 mục tiêu tổng quát: (i) Nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính đồng bộ, toàn diện, sâu rộng, của hội nhập quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, góp phần thiết thực xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước. (ii) Tranh thủ tối đa các nguồn lực và điều kiện thuận lợi bên ngoài để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, phát triển nhanh, bền vững; hoàn thiện nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân; không ngừng cải thiện toàn diện đời sống nhân dân, vì hạnh phúc của Nhân dân; giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia; nâng cao vị trí, vai trò và uy tín quốc tế của đất nước. Phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa. 04 mục tiêu cụ thể gồm: (i) Hội nhập kinh tế quốc tế; (ii) Hội nhập quốc tế về chính trị, quốc phòng, an ninh; (iii) Hội nhập quốc tế về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, văn hóa, xã hội, du lịch, môi trường, giáo dục – đào tạo, y tế và các lĩnh vực khác và (iv) Nâng cao năng lực và bản lĩnh chính trị hội nhập quốc tế

Về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp lớn gồm 7 điểm:

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; đổi mới tư duy, nhận thức và hành động trong hội nhập quốc tế trong tình hình mới

- Nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế phục vụ xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng và thúc đẩy chuyển đổi số.

- Hội nhập quốc tế về chính trị, quốc phòng, an ninh sâu rộng, toàn diện và hiệu quả hơn, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, nâng cao tiềm lực và vị thế quốc tế của đất nước.

- Đẩy mạnh hội nhập quốc tế về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, mở rộng không gian phát triển bền vững và hiện đại hóa đất nước.

- Đẩy mạnh hội nhập quốc tế về văn hóa, xã hội, du lịch, môi trường, giáo dục – đào tạo, y tế và các lĩnh vực khác.

- Nâng cao năng lực thực thi các cam kết, thỏa thuận quốc tế gắn với tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực thi và đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật trong nước.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều phối công tác hội nhập quốc tế; phát huy vai trò tích cực, chủ động của các địa phương.

2. Đề án Hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo đến năm 2030

Trước đó, ngày 19/12/2024, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo đến năm 2030 tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg. Đề án Hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo đến năm 2030 tập trung vào việc nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực, và thúc đẩy hợp tác quốc tế. Mục tiêu là tăng cường hội nhập quốc tế, đưa giáo dục Việt Nam tiệm cận chuẩn mực thế giới, và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Mục tiêu của Đề án nhằm đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy đối ngoại nhân dân và các hoạt động hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực khác. Đề án phấn đấu có ít nhất 10 đơn vị hành chính tham gia vào mạng lưới thành phố học tập toàn cầu của UNESCO vào năm 2030; phấn đấu có thêm 05 tỉnh/thành phố có cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông dạy chương trình giáo dục tích hợp với chương trình nước ngoài. Phấn đấu 100% học sinh phổ thông đạt trình độ ngoại ngữ theo quy định của chương trình

giáo dục phổ thông môn ngoại ngữ 1; nâng cao năng lực ngoại ngữ, năng lực dạy các môn học khác bằng tiếng nước ngoài cho giáo viên, giảng viên và đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục các cấp; từng bước đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Đề án phân đầu trên 20% chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài có ngành đào tạo của cơ sở giáo dục nước ngoài xếp hạng top 500 thế giới trở lên; nâng tỷ lệ sinh viên quốc tế theo học các chương trình giáo dục đại học lấy bằng của Việt Nam đạt 1,5%; nâng tỷ lệ tổng số giảng viên của Việt Nam đi và số giảng viên của nước ngoài đến giảng dạy, nghiên cứu và trao đổi học thuật hằng năm lên 8% trên tổng số giảng viên Việt Nam. Trên 20% chương trình đào tạo trong các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của các tổ chức kiểm định nước ngoài có uy tín; phân đầu thu hút để có thêm 02 phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có uy tín của nước ngoài tại Việt Nam.

Để đạt được các mục tiêu trên, Đề án đưa ra 4 nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm gồm: 1- Hoàn thiện cơ chế, chính sách về giáo dục và đào tạo; 2- đẩy mạnh hợp tác, kiến tạo môi trường quốc tế trong giáo dục và đào tạo; 3- Bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; 4- Nâng cao năng lực đội ngũ và nhận thức về hội nhập quốc tế. Theo Đề án, sẽ chủ động mở rộng hợp tác song phương và đa phương, trong đó ưu tiên các nước láng giềng, các nước có nền giáo dục tiên tiến, các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, bạn bè truyền thống; thúc đẩy hợp tác với các nước có nền giáo dục và đào tạo hàng đầu thế giới. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế về chương trình và học liệu, phương pháp giảng dạy; nghiên cứu phát triển các mô hình trường học mới theo kinh nghiệm quốc tế nhằm kiến tạo môi trường làm việc quốc tế trong các cơ sở giáo dục. Tăng cường mô hình kết nghĩa giữa các cơ sở giáo dục phổ thông của Việt Nam và nước ngoài. Thúc đẩy hợp tác giữa các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam và nước ngoài để công nhận quá trình học tập; tăng cường trao đổi học sinh, sinh viên và giảng viên; thu hút giảng viên, nhà khoa học, sinh viên quốc tế đến giảng dạy, nghiên cứu và học tập tại Việt Nam. Khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam nâng cấp các tạp chí khoa học trong nước đạt chuẩn quốc tế và tăng tỷ lệ giảng viên công bố bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín. Đồng thời, tăng quy mô đào tạo ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước đối với giảng viên các ngành khoa học mũi nhọn mà Việt Nam có nhu cầu; khuyến khích việc học tập và nghiên cứu khoa học ở nước ngoài bằng các nguồn ngoài ngân sách nhà nước. Đẩy mạnh hợp tác và đầu tư với nước ngoài; khuyến khích mở văn phòng đại diện hoặc hình thành một số cơ sở giáo dục của Việt Nam ở nước ngoài; tạo điều kiện để các cơ sở giáo dục đại học chất lượng cao, có uy tín của nước ngoài mở phân hiệu tại Việt Nam. Để bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, Đề án thực hiện nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao

công nghệ đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế; đổi mới công tác quản lý, chương trình và phương pháp giảng dạy theo hướng tăng cường hội nhập quốc tế.

Thực hiện tham chiếu khung trình độ quốc gia Việt Nam với các khung trình độ quốc gia các nước, các khu vực; đẩy mạnh việc ký kết công nhận văn bằng và quá trình đào tạo với nước ngoài; khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam và các cơ sở giáo dục đại học có chất lượng cao của nước ngoài ký kết công nhận tín chỉ và quá trình đào tạo. Đề án thực hiện nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo; từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; thúc đẩy hợp tác quốc tế trong dạy và học ngoại ngữ. Đầu tư, phát triển các cơ sở giáo dục đại học xuất sắc theo hiệp định quốc tế để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao theo chuẩn quốc tế. Cùng với đó là rà soát và hoàn thiện tiêu chuẩn giáo viên và đào tạo giáo viên, chương trình, giáo trình đào tạo, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng để phù hợp với tiêu chuẩn khu vực và quốc tế.

II. QUY ĐỊNH VỀ HỢP TÁC, ĐẦU TƯ CỦA NƯỚC NGOÀI TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Hiện nay, về việc hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục đại học đang được quy định trong 06 văn bản gồm Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị ban hành ngày 24/01/2025 và 04 Nghị định của Chính phủ ban hành gồm Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ được sửa đổi một số điều tại Nghị định số 124/2024/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 8/7/2020 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục (sửa đổi), và Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

Nghị định 86/2018/NĐ-CP quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục, trong đó có các nội dung về điều kiện, thủ tục thành lập, cho phép thành lập, cho phép hoạt động, điều kiện và thủ tục liên kết đào tạo với nước ngoài, văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài. Nghị định 124/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 86/2018/NĐ-CP, tập trung vào các vấn đề như: điều chỉnh thẩm quyền, thủ tục, điều kiện thành lập, cho phép hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài, phân hiệu cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài; quy định về liên kết đào tạo với nước ngoài; và các quy định liên quan đến văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam. Ngày 31/12/2024, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành văn bản hợp nhất số hiệu 09/VBHN-BGDĐT hướng dẫn thực hiện 2 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP và Nghị định 124/2024/NĐ-CP về hợp

tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục. Một số nội dung căn bản như sau:

1. Quy định về liên kết đào tạo với nước ngoài

Ngoài ra, Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị ban hành ngày 24/01/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới cũng nêu ra định hướng trong Đầu tư, phát triển các cơ sở giáo dục đại học xuất sắc theo hiệp định quốc tế để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao theo chuẩn quốc tế. Đẩy mạnh hợp tác và đầu tư với nước ngoài; khuyến khích mở văn phòng đại diện hoặc hình thành một số cơ sở giáo dục của Việt Nam ở nước ngoài; tạo điều kiện để các cơ sở giáo dục đại học chất lượng cao, có uy tín của nước ngoài mở phân hiệu tại Việt Nam.

Liên kết đào tạo là việc hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học Việt Nam và cơ sở giáo dục đại học nước ngoài nhằm thực hiện chương trình đào tạo để cấp văn bằng hoặc cấp chứng chỉ mà không thành lập pháp nhân (Khoản 5, Điều 2, VBHN số 09 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 86 và Nghị định số 124). Phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài là đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức và chịu sự quản lý, điều hành của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài đang hoạt động ở Việt Nam (Khoản 6, Điều 2 của 02 Nghị định nêu trên). Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam là đơn vị phụ thuộc của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài, được thành lập và hoạt động tại Việt Nam nhằm xúc tiến, phát triển hợp tác và đầu tư trong giáo dục theo quy định của pháp luật Việt Nam (Khoản 7, Điều 2 của 02 Nghị định nêu trên).

Về đối tượng, hình thức liên kết, đối tượng liên kết đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ là Cơ sở giáo dục đại học được thành lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; Cơ sở giáo dục đại học được thành lập, hoạt động hợp pháp ở nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 45 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018). Các hình thức liên kết đào tạo gồm: Liên kết đào tạo trực tiếp, liên kết đào tạo trực tuyến (online), liên kết đào tạo trực tiếp kết hợp trực tuyến.

Phạm vi, quy mô, tuyển sinh và ngôn ngữ giảng dạy trong liên kết đào tạo (Điều 16 của VBHN số 09) quy định như sau: (1) Phạm vi liên kết đào tạo: Cơ sở giáo dục đại học quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định này (cơ sở giáo dục đại học được thành lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam) chỉ được liên kết đào tạo trong phạm vi ngành và trình độ đào tạo đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép thực hiện. Cơ sở giáo dục đại học quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 Nghị định này (Cơ sở giáo dục đại học được thành lập, hoạt động hợp pháp ở nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 45 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) chỉ được liên kết đào tạo trong phạm vi ngành và trình độ

đào tạo được phép thực hiện và được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận. (2) Quy mô đào tạo của liên kết được xác định căn cứ vào các điều kiện bảo đảm chất lượng về cơ sở vật chất, thiết bị, phòng thí nghiệm, thư viện, đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý. Các điều kiện này không được trùng với các điều kiện đã được sử dụng để tính toán tổng chỉ tiêu tuyển sinh của cơ sở giáo dục. Trường hợp có chung các điều kiện bảo đảm chất lượng thì quy mô đào tạo của các chương trình liên kết đào tạo phải được tính trong tổng quy mô tuyển sinh hàng năm của cơ sở giáo dục. Cơ sở giáo dục đại học Việt Nam và cơ sở giáo dục đại học nước ngoài đề xuất quy mô đào tạo trong hồ sơ đề nghị phê duyệt liên kết đào tạo, trình các cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 22 Nghị định này phê duyệt.

Đối tượng tuyển sinh vào học tại các chương trình liên kết đào tạo cấp văn bằng phải đáp ứng các điều kiện sau đây: a) Trường hợp cấp văn bằng của cơ sở giáo dục đại học Việt Nam thì phải đáp ứng điều kiện tuyển sinh các trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ theo quy định của pháp luật Việt Nam; b) Trường hợp cấp văn bằng của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài thì phải đáp ứng điều kiện tuyển sinh các trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ của cơ sở giáo dục nước ngoài tương ứng với điều kiện tiếp nhận vào học quy định ở nước sở tại nơi cơ sở giáo dục nước ngoài được thành lập; c) Trường hợp đồng thời cấp văn bằng của cơ sở giáo dục đại học Việt Nam và văn bằng của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài thì đối tượng tuyển sinh phải đáp ứng quy định tại điểm a và điểm b khoản này; d) Trình độ ngoại ngữ: Đối tượng tuyển sinh trường hợp cấp văn bằng của cơ sở giáo dục đại học Việt Nam ít nhất phải có trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương; trường hợp cấp văn bằng của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài và trường hợp đồng thời cấp văn bằng của cơ sở giáo dục đại học Việt Nam và văn bằng của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài, đối tượng tuyển sinh ít nhất phải có trình độ Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương, đối với đối tượng tuyển sinh các chương trình liên kết đào tạo nhóm ngành ngôn ngữ nước ngoài thì yêu cầu về ngoại ngữ theo quy định của cơ sở giáo dục nước ngoài; đ) Căn cứ nhu cầu của người học, các cơ sở giáo dục liên kết có thể tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ giúp học viên đạt trình độ quy định tại điểm d khoản này trước khi tổ chức giảng dạy chính khóa. Đối với liên kết đào tạo cấp văn bằng, chứng chỉ của nước ngoài phải giảng dạy bằng ngoại ngữ, không giảng dạy bằng tiếng Việt hoặc thông qua phiên dịch. Liên kết đào tạo cấp văn bằng, chứng chỉ của Việt Nam có thể giảng dạy bằng tiếng Việt hoặc thông qua phiên dịch.

Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình liên kết đào tạo được quy định tại Điều 17 VBHN số 09 gồm 03 điểm chính: (1) Liên kết đào tạo được thực hiện theo chương trình của nước ngoài hoặc chương trình do hai bên cùng xây

dựng; chương trình đào tạo được thực hiện toàn bộ tại Việt Nam hoặc một phần tại Việt Nam và một phần tại nước ngoài; cấp văn bằng, chứng chỉ của nước ngoài; cấp văn bằng, chứng chỉ của Việt Nam và của nước ngoài. (2) Chương trình đào tạo của nước ngoài được thực hiện tại Việt Nam phải bảo đảm các yêu cầu sau: Là chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền của nước đó cho phép đào tạo và cấp bằng hoặc có giấy chứng nhận kiểm định chất lượng còn hiệu lực do tổ chức kiểm định chất lượng hợp pháp cấp; Không có nội dung gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; không truyền bá tôn giáo, xuyên tạc lịch sử; không ảnh hưởng xấu đến văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam. (3) Chuẩn đầu ra của các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài không được thấp hơn chuẩn đầu ra quy định bởi các văn bản pháp luật của Việt Nam.

Cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm, đội ngũ coi thi, giám sát và phục vụ đối với liên kết đào tạo: (a) Cơ sở vật chất, thiết bị sử dụng trong liên kết đào tạo phải phù hợp với yêu cầu của ngành đào tạo, không làm ảnh hưởng tới hoạt động đào tạo chung của cơ sở giáo dục Việt Nam và bao gồm: Phòng học, phòng làm việc giảng viên, phòng máy tính, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, thư viện và các trang thiết bị cần thiết khác. Diện tích trung bình dùng trong giảng dạy, học tập đối với hình thức liên kết đào tạo trực tiếp ít nhất là 05 m²/sinh viên; (b) Cơ sở giáo dục thực hiện liên kết đào tạo phải cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu của người học; (c) Việc tổ chức đào tạo tại Việt Nam phải được thực hiện tại trụ sở chính và phân hiệu của cơ sở giáo dục Việt Nam được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

Quy định về đội ngũ giảng viên (Điều 19) giảng dạy chương trình liên kết đào tạo như sau: (1) Về trình độ của giảng viên, đối với liên kết đào tạo trình độ đại học, giảng viên ít nhất phải có bằng thạc sĩ trở lên phù hợp với nhóm ngành giảng dạy. Đối với liên kết đào tạo trình độ thạc sĩ, giảng viên giảng dạy các môn học, chuyên đề và hướng dẫn luận văn thạc sĩ phải có bằng tiến sĩ phù hợp với nhóm ngành giảng dạy; giảng viên hướng dẫn thực hành, thực tập ít nhất phải có bằng thạc sĩ phù hợp với chuyên môn tham gia hướng dẫn thực hành, thực tập. Đối với liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ, giảng viên phải có bằng tiến sĩ thuộc nhóm ngành phù hợp với học phần sẽ đảm nhiệm trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ. Đối với người hướng dẫn nghiên cứu sinh phải bảo đảm quy định tối thiểu như quy định đối với người hướng dẫn nghiên cứu sinh của các chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của Việt Nam. Giảng viên giảng dạy các chương trình liên kết đào tạo phải có kinh nghiệm giảng dạy đại học trong cùng lĩnh vực giảng dạy trừ trường hợp giảng viên là người bản ngữ nước ngoài dạy kỹ năng ngoại ngữ có bằng đại học trở lên và có chứng chỉ

giảng dạy ngoại ngữ phù hợp. Giảng viên giảng dạy bằng ngoại ngữ trong liên kết đào tạo phải có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của chương trình, nhưng không thấp hơn trình độ Bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Giảng viên là người bản ngữ nước ngoài dạy kỹ năng ngoại ngữ phải có bằng đại học trở lên và có chứng chỉ giảng dạy ngoại ngữ phù hợp.

Kiểm tra, thi, đánh giá, công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng, chứng chỉ (Điều 20) quy định: Việc kiểm tra, thi, đánh giá, công nhận hoàn thành chương trình môn học, trình độ đào tạo, công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam nếu cấp văn bằng, chứng chỉ của Việt Nam hoặc theo quy định của pháp luật nước ngoài nếu cấp văn bằng, chứng chỉ của nước ngoài. Văn bằng, chứng chỉ của người học theo liên kết đào tạo hoặc tại cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài được quy định như sau: a) Văn bằng do cơ sở giáo dục Việt Nam cấp phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam; b) Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải tuân thủ quy định của pháp luật nước sở tại và được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận. Trường hợp đồng thời cấp văn bằng của cơ sở giáo dục đại học Việt Nam và văn bằng của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này. Việc kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập của người học đối với các môn học thực hiện trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến phải được tổ chức tập trung, trực tiếp tại cơ sở liên kết đào tạo phía Việt Nam trừ trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác không thể tổ chức tập trung, trực tiếp tại cơ sở liên kết đào tạo phía Việt Nam.

Hồ sơ phê duyệt liên kết đào tạo và liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài (Điều 21), các điều khoản giữ nguyên ngoại trừ quy định về hồ sơ chấm dứt liên kết đào tạo. Hồ sơ liên kết đào tạo gồm: Đơn đề nghị phê duyệt liên kết đào tạo với nước ngoài do các bên liên kết cùng ký theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; Thỏa thuận hoặc hợp đồng hợp tác giữa các bên liên kết, trong đó có thông tin chi tiết về các bên liên kết, trách nhiệm của các bên liên kết đối với các nội dung cam kết cụ thể về chương trình, tài liệu học tập và giảng dạy, giảng viên, cơ sở vật chất, kiểm tra, đánh giá, văn bằng, thông tin về tài chính và các nội dung khác; Giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của các bên liên kết: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục hoặc các tài liệu tương đương khác; Giấy tờ chứng minh cơ sở giáo dục đại học Việt Nam và cơ sở giáo dục đại học nước ngoài được phép đào tạo trong lĩnh vực dự định liên kết (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu); Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục của chương trình đào tạo nước ngoài hoặc giấy tờ công nhận chất lượng giáo dục của cơ quan có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao

kèm bản chính để đối chiếu); Đề án thực hiện liên kết đào tạo với nước ngoài do các bên liên kết xây dựng theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, bao gồm các nội dung chủ yếu: Sự cần thiết, mục tiêu của liên kết; giới thiệu các bên liên kết; nội dung liên kết; ngành và trình độ đào tạo; cơ sở vật chất, thiết bị; chương trình và nội dung giảng dạy; danh sách giảng viên dự kiến kèm theo lý lịch khoa học; đối tượng và tiêu chí tuyển sinh; quy mô đào tạo; hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá; văn bằng, chứng chỉ sẽ được cấp, tính tương đương của văn bằng, chứng chỉ của nước ngoài đối với văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam; biện pháp bảo đảm chất lượng giáo dục, quyền lợi của người học và người lao động; bộ phận phụ trách liên kết, lý lịch cá nhân của người đại diện cơ sở giáo dục Việt Nam và cơ sở giáo dục nước ngoài tham gia quản lý chương trình; mức học phí, hỗ trợ tài chính của cá nhân, tổ chức Việt Nam và nước ngoài (nếu có), dự toán kinh phí, cơ chế quản lý tài chính; trách nhiệm và quyền hạn của các bên liên kết; trách nhiệm và quyền hạn của nhà giáo, người học.

Thẩm quyền phê duyệt liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 45 Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và điểm e khoản 1 Điều 13 Nghị định số [99/2019/NĐ-CP](#) ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và các quy định của pháp luật liên quan (Điều 22).

Liên kết đào tạo bị đình chỉ tuyển sinh nếu không bảo đảm một trong các nội dung quy định tại các Điều 16 (Phạm vi, quy mô, tuyển sinh và ngôn ngữ giảng dạy trong liên kết đào tạo), 17 (Chương trình đào tạo), 18 (Cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm, đội ngũ coi thi, giám sát và phục vụ), 19 (Đội ngũ giảng viên và 20 (Kiểm tra, thi, đánh giá, công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng, chứng chỉ) Nghị định này. 03 trách nhiệm của cơ sở giáo dục khi liên kết đào tạo bị đình chỉ tuyển sinh: Khắc phục các vi phạm dẫn đến đình chỉ tuyển sinh; Bảo đảm người học đang theo học liên kết đào tạo được tiếp tục học tập; Báo cáo người có thẩm quyền phê duyệt liên kết đào tạo về kết quả khắc phục các vi phạm dẫn đến đình chỉ tuyển sinh để cho phép hoạt động trở lại (Điều 26 VBHN số 09).

Liên kết đào tạo chấm dứt trong 05 trường hợp sau đây: Hết thời hạn quy định trong quyết định phê duyệt hoặc quyết định gia hạn hoặc quyết định điều chỉnh liên kết đào tạo; Theo đề nghị của các bên liên kết; Hết thời hạn đình chỉ tuyển sinh nhưng không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến đình chỉ tuyển sinh; Vi phạm quy định của quyết định phê duyệt hoặc quyết định gia hạn hoặc quyết định điều chỉnh liên kết đào tạo ở mức độ pháp luật quy định phải chấm dứt; Đã bị đình chỉ và không khắc phục được vi phạm để bảo đảm các nội dung quy định tại các Điều 16,

17, 18, 19 và 20 Nghị định này. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục khi liên kết đào tạo bị chấm dứt hoạt động: Liên hệ để chuyển số học viên đã được tuyển sinh theo quy định sang cơ sở giáo dục khác; Bồi hoàn cho người học các khoản chi phí người học đã nộp đối với trường hợp cung cấp chương trình đào tạo và cấp văn bằng, chứng chỉ không được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận hoặc liên kết đào tạo bị đình chỉ hoặc bị chấm dứt hoạt động mà người học không được hoặc không muốn chuyển sang học ở cơ sở giáo dục khác; Thanh toán các khoản thù lao giảng dạy, các quyền lợi khác của giáo viên, giảng viên và người lao động theo hợp đồng lao động đã ký kết hoặc thỏa ước lao động tập thể; Thanh toán các khoản nợ thuế (nếu có) và các khoản nợ khác.

Về chế độ báo cáo, 04 trách nhiệm của các bên liên kết đào tạo (Khoản 1, Điều 27) gồm: a) Cung cấp đầy đủ và rõ ràng các thông tin liên quan đến liên kết trên trang thông tin điện tử của cơ sở liên kết và chịu trách nhiệm về sự chính xác của những thông tin này; b) Tổ chức thực hiện quyết định về liên kết; c) Chịu trách nhiệm về giá trị pháp lý của văn bằng, chứng chỉ của nước ngoài cấp cho người học; d) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. - Đối với chế độ báo cáo về việc liên kết đào tạo (Điều 65a Khoản 2): Nội dung yêu cầu báo cáo gồm tình hình chung về việc thực hiện các nội dung liên kết, quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết; số lượng người dạy trong đó nêu rõ số lượng người dạy có quốc tịch nước ngoài, việc thực hiện các quy định về quản lý người nước ngoài; những khó khăn, vướng mắc; kiến nghị, đề xuất (nếu có). Đối tượng thực hiện, cơ quan nhận báo cáo và quy trình báo cáo: Các cơ sở giáo dục đại học phía Việt Nam thực hiện liên kết đào tạo gửi báo cáo đến Bộ giáo dục và Đào tạo. Kỳ báo cáo: Báo cáo định kỳ hằng năm. Phương thức gửi, nhận báo cáo: Các cơ sở giáo dục đại học phía Việt Nam thực hiện liên kết đào tạo gửi báo cáo qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp hoặc trực tuyến đến Bộ Giáo dục và Đào tạo. Lưu ý về thời gian chốt số liệu báo cáo được tính từ ngày 01 tháng 10 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 30 tháng 9 của năm báo cáo. Thời hạn gửi báo cáo: **Trước ngày 31 tháng 10 hằng năm.**

2. Các quy định về thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài

Theo quy định tại Điều 18 VBHN số 09/VBHN – BGDDĐT hợp nhất 02 Nghị định số 86 và Nghị định số 124:

Cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm, đội ngũ coi thi, giám sát và phục vụ đối với tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài: Địa điểm, cơ sở vật chất, thiết bị và đội ngũ phục vụ liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài phải bảo đảm an toàn, chất lượng cho công tác tổ chức thi; Đội ngũ coi thi, giám sát, phục vụ phải được bồi dưỡng, tập huấn công tác bảo đảm chống

gian lận trong việc tổ chức thi; việc tập huấn không bắt buộc phải cấp chứng chỉ; Có phương án, thiết bị bảo đảm phòng, chống gian lận trong toàn bộ quá trình tổ chức thi. Chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài phải được công nhận hợp pháp ở nước sở tại và có giá trị sử dụng phổ biến trên thế giới (Khoản 4 Điều 20 về kiểm tra, thi, đánh giá, công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng, chứng chỉ). Thời hạn hoạt động của liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài không quá 05 năm kể từ ngày được phê duyệt và có thể được gia hạn, mỗi lần gia hạn không quá 05 năm và không quá thời hạn thỏa thuận hoặc hợp đồng hợp tác giữa các bên liên kết (Điều 24).

Hồ sơ liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài gồm: a) Đơn đề nghị phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; b) Thỏa thuận hoặc hợp đồng giữa cơ sở tổ chức thi tại Việt Nam và cơ sở đánh giá năng lực ngoại ngữ nước ngoài; c) Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của các bên liên kết; d) Đề án tổ chức thi để cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, trong đó có thông tin về giá trị và phạm vi sử dụng của chứng chỉ ngoại ngữ nước ngoài, minh chứng về bảo đảm chất lượng của việc tổ chức thi, địa điểm tổ chức thi, cách thức tổ chức, trách nhiệm của các bên, lệ phí thi và các loại phí, cơ chế thu chi và quản lý tài chính, quyền hạn và trách nhiệm người tham dự thi và các nội dung liên quan khác. Về thẩm quyền phê duyệt, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài (Điều 22).

Đối với liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài: a) Các bên liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài làm 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định này gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến Bộ Giáo dục và Đào tạo; b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định việc liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài và thông báo kết quả bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến cho các bên liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài; c) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc thư điện tử cho các bên đề nghị liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài.

Liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ ngoại ngữ của nước ngoài bị chấm dứt trong những trường hợp sau (Khoản 5 Điều 26): a) Không được cơ sở tổ chức thi

cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ nước ngoài cho phép tiếp tục tổ chức thi cấp chứng chỉ ngoại ngữ tại Việt Nam; b) Bị phát hiện gian lận trong hồ sơ hoặc trong tổ chức thi, cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài; c) Vi phạm quy định trong văn bản cho phép tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài. 04 trách nhiệm của các bên liên kết trong trường hợp bị chấm dứt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ: a) Bồi hoàn cho người đăng ký dự thi các khoản chi phí mà người đăng ký dự thi đã nộp nhưng chưa được tham dự thi; b) Bồi thường cho người dự thi các khoản chi phí mà người dự thi đã nộp và các chi phí khác khi bị phát hiện chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài không có giá trị hoặc không được công nhận bởi cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam; c) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của pháp luật; d) Thanh toán các khoản nợ thuế (nếu có) và các khoản nợ khác.

Trách nhiệm của các bên liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài (*Khoản 2 Điều 27*): Cung cấp đầy đủ và rõ ràng các thông tin liên quan đến liên kết trên trang thông tin điện tử của cơ sở liên kết và chịu trách nhiệm về sự chính xác của những thông tin này; Tổ chức thực hiện đúng đề án liên kết, bảo đảm việc tổ chức thi cấp chứng chỉ ngoại ngữ đúng quy định, không có gian lận; Chịu trách nhiệm về giá trị pháp lý của chứng chỉ của nước ngoài cấp cho người học; Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. Đối với Báo cáo về việc liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài (*Điều 65a khoản 3*): Nội dung yêu cầu báo cáo về tình hình chung về việc thực hiện các nội dung liên kết, quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết; những khó khăn, vướng mắc; kiến nghị, đề xuất (nếu có). Đối tượng thực hiện, cơ quan nhận báo cáo và quy trình báo cáo: Các cơ sở giáo dục hoặc tổ chức phía Việt Nam thực hiện liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài gửi báo cáo đến Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kỳ báo cáo: Báo cáo định kỳ hằng năm. Phương thức gửi, nhận báo cáo: Các cơ sở giáo dục hoặc tổ chức phía Việt Nam thực hiện liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài gửi báo cáo qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp hoặc trực tuyến đến Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thời gian chốt số liệu báo cáo được tính từ ngày 01 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 30 tháng 11 của năm báo cáo. Thời hạn gửi báo cáo: **Trước ngày 15 tháng 12 hằng năm**. Mẫu đề cương báo cáo: Theo Mẫu số 36 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này. Biểu số liệu báo cáo: Mẫu số 37 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

3. Các quy định liên quan đến phân hiệu, văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam

Liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài là việc hợp tác giữa cơ sở giáo dục, đào tạo hoặc tổ chức được thành lập và hoạt động hợp

pháp trong lĩnh vực giáo dục tại Việt Nam với cơ quan, tổ chức, cơ sở đánh giá năng lực ngoại ngữ được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài thông qua văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng liên kết để tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài tại Việt Nam (Khoản 8, Điều 2). Phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam phải thực hiện quy định và đạt yêu cầu về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục của tổ chức thực hiện kiểm định cơ sở giáo dục đại học nước ngoài đầu tư thành lập phân hiệu (Khoản 1 Điều 4).

Về đối tượng liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài: Cơ sở giáo dục, đào tạo hoặc tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp trong lĩnh vực giáo dục tại Việt Nam; Cơ quan, tổ chức, cơ sở đánh giá năng lực ngoại ngữ được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài (Điều 15).

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định cụ thể về liên kết đào tạo trực tuyến, liên kết đào tạo trực tiếp kết hợp trực tuyến và liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài.

4. Bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục trong liên kết đào tạo

Theo quy định tại Điều 4 về Bảo đảm và Kiểm định chất lượng giáo dục của văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BGDĐT:

Liên kết giáo dục, liên kết đào tạo với nước ngoài và hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam phải đáp ứng quy định hiện hành của Việt Nam về bảo đảm chất lượng giáo dục (Khoản 1 Điều 4).

Cơ sở giáo dục thực hiện liên kết giáo dục, liên kết đào tạo và cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định hiện hành của Việt Nam (Khoản 2 Điều 4).

5. Tài chính trong hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong liên kết đào tạo

Theo quy định tại Điều 5 về tài chính trong hợp tác, đầu tư của nước ngoài như sau:

Cơ sở giáo dục thực hiện liên kết giáo dục, liên kết đào tạo với nước ngoài, cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài và văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về tài chính, kế toán, kiểm toán và thuế (Khoản 1 Điều 5).

Nhà đầu tư nước ngoài được góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư trong nước và của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đầu tư thành lập cơ sở giáo dục. Thủ tục góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp thực hiện theo quy định của Luật đầu tư (Khoản 2 Điều 5).

6. Quy định về việc thành lập phân hiệu, văn phòng đại diện của cơ sở đào tạo nước ngoài

Về việc thành lập phân hiệu: Hồ sơ đề nghị thành lập phân hiệu (quy định tại Điều 43) gồm: (1). Đơn đề nghị cho phép thành lập phân hiệu theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. (2) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu của giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gắn với việc mở phân hiệu. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền khai thác được thông tin này từ Cơ sở dữ liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoặc cơ quan nhà nước thì tổ chức, cá nhân không cần phải cung cấp văn bản này. (3). Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu của giấy tờ kiểm định chất lượng giáo dục hoặc giấy tờ công nhận chất lượng giáo dục của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc của nước ngoài. (4) Đề án đề nghị thành lập phân hiệu. (5) Văn bản chứng minh năng lực tài chính theo mức quy định tại Điều 35 Nghị định này. (6) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu của văn bản chấp thuận cho thuê đất để xây dựng phân hiệu hoặc thỏa thuận về nguyên tắc thuê cơ sở vật chất sẵn có phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 36 Nghị định số [86/2018/NĐ-CP](#) và các giấy tờ pháp lý có liên quan. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền khai thác được thông tin này từ Cơ sở dữ liệu của địa phương hoặc của cơ quan nhà nước thì tổ chức, cá nhân không cần phải cung cấp văn bản này. (7) Dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, bao gồm phần thuyết minh và thiết kế chi tiết phân hiệu của cơ sở giáo dục trong trường hợp xây dựng cơ sở vật chất. Thẩm quyền, thủ tục cho phép thành lập phân hiệu (Điều 44): Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định cho phép thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài. Thủ tục cho phép thành lập phân hiệu gồm: a) Nhà đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến Bộ Giáo dục và Đào tạo; b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận gửi hồ sơ đến các cơ quan, đơn vị có liên quan để xin ý kiến; trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định tại Điều 43 Nghị định này, trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc thư điện tử cho nhà đầu tư; c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan, đơn vị được hỏi ý kiến phải có văn bản trả lời; d) Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập báo cáo thẩm định trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được báo cáo thẩm định, cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc cho phép thành lập phân hiệu; e) Trường hợp hồ sơ không được chấp thuận, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của cấp có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho nhà đầu tư,

trong đó nêu rõ lý do. Sau 04 năm đối với phân hiệu quy định tại khoản 5 Điều 28 kể từ ngày quyết định cho phép thành lập có hiệu lực, nếu phân hiệu không được cho phép hoạt động giáo dục thì quyết định cho phép thành lập phân hiệu hết hiệu lực.

Quy định về văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam: Được quy định tại các Điều 52 (Chức năng, nhiệm vụ), Điều 53 (Điều kiện cho phép tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam), Điều 54 (Hồ sơ đề nghị cho phép thành lập), Điều 55 (Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài) có nội dung cập nhật, chủ yếu là đơn giản hóa thủ tục hành chính trong mục “3. Phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam phải thực hiện quy định và đạt yêu cầu về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục của tổ chức thực hiện kiểm định cơ sở giáo dục đại học nước ngoài đầu tư thành lập phân hiệu.”

Thủ tục cho phép thành lập (Điều 58) và đăng ký hoạt động (Điều 59) có một số thay đổi ứng dụng dịch vụ công trực tuyến như sau: Tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài đề nghị cho phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Giáo dục và Đào tạo gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan. Cơ quan, đơn vị, địa phương được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan, Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định cho phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài theo Mẫu số 19 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cho phép thành lập, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định tại Điều 54 Nghị định này, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc thư điện tử cho tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài. Về đăng ký hoạt động, trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày quyết định cho phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài có hiệu lực, tổ chức, cơ sở giáo dục thành lập văn phòng đại diện phải làm thủ tục đăng ký hoạt động với sở giáo dục và đào tạo nơi văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài đặt trụ sở. Hồ sơ đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài bao gồm: a) Đơn đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài theo Mẫu số 20 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này; b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu với Quyết định cho phép thành lập văn phòng đại diện. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền khai thác, chia sẻ được dữ liệu từ cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì cá nhân, tổ chức không phải

cung cấp thành phần hồ sơ này; c) Văn bản bổ nhiệm trưởng văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài và lý lịch cá nhân của người được bổ nhiệm; d) Lý lịch cá nhân của nhân sự làm việc tại văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài; đ) Tài liệu chứng minh địa điểm cụ thể đặt văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài, giám đốc sở giáo dục và đào tạo xem xét, quyết định cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo Mẫu số 21 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và thông báo trên cổng thông tin điện tử của cơ quan. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản trả lời, trong đó nêu rõ lý do. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc thư điện tử cho tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài.

Các quy định trong 02 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP và Nghị định 124/2024/NĐ-CP về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục không áp dụng đối với hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

7. Quy định về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài

Quy định về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài chủ yếu được chứa đựng trong 04 văn bản gồm: Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 8/7/2020 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục (sửa đổi), Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 quy định về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 và Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

05 điểm chính trong quy định tại Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 8/7/2020 về hợp tác và đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục có các ý chính như sau: (1) Mở rộng hình thức hợp tác: Nghị định cho phép các hình thức hợp tác đa dạng, bao gồm liên kết đào tạo, đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục và chuyển giao công nghệ

giáo dục. (2) Quy định về đầu tư: Đưa ra các tiêu chí và điều kiện cụ thể đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài khi đầu tư vào lĩnh vực giáo dục tại Việt Nam. (3) Quản lý chất lượng: Tăng cường các quy định về kiểm tra, giám sát chất lượng giáo dục của các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài. (4) Quyền lợi và nghĩa vụ: Nêu rõ quyền lợi và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp tác, đầu tư, nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho cả nhà đầu tư và người học. (5) Khuyến khích đầu tư: Chính phủ cam kết tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là trong các lĩnh vực và ngành nghề mà Việt Nam đang cần phát triển. Nghị định này nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, thu hút nguồn lực đầu tư và thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục tại Việt Nam.

05 điểm chính trong Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 quy định về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài với các nội dung chính như sau: Về quản lý ODA và vốn vay ưu đãi: Quy định rõ ràng về quản lý, sử dụng và thanh toán các nguồn vốn ODA, nhằm đảm bảo hiệu quả và minh bạch trong quá trình thực hiện. Nguyên tắc sử dụng: Đảm bảo sử dụng vốn ODA và vay ưu đãi đúng mục đích, hiệu quả, theo kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của quốc gia. Chế độ báo cáo: Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình sử dụng vốn, tiến độ thực hiện dự án và kết quả đạt được. Kiểm tra, giám sát: Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các dự án sử dụng nguồn vốn ODA để đảm bảo việc thực hiện đúng quy định và đạt hiệu quả cao nhất. Phối hợp giữa các bên: Khuyến khích sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức và nhà tài trợ trong việc triển khai các dự án ODA, nhằm tăng cường hiệu quả sử dụng nguồn lực. Nghị định này nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nguồn vốn ODA, đảm bảo việc sử dụng vốn đúng mục đích, hợp lý và bền vững.

Ngày 04/5/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 20/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP với các nội dung chính như sau: (1) Cải tiến quy trình quản lý: Điều chỉnh quy trình và thủ tục liên quan đến quản lý và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi, nhằm nâng cao hiệu quả và tính minh bạch. (2) Tăng cường trách nhiệm: Quy định rõ hơn về trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc triển khai các dự án sử dụng vốn ODA, bao gồm cả việc báo cáo và giám sát. (3) Hỗ trợ kỹ thuật: Bổ sung các quy định về việc cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho các dự án, nhằm đảm bảo chất lượng và hiệu quả trong việc thực hiện. (4) Định mức chi phí: Cập nhật các định mức chi phí cho các hoạt động sử dụng vốn ODA, phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu phát triển. (5) Thúc đẩy hợp tác quốc tế: Khuyến khích tăng cường hợp tác giữa các bên liên quan trong việc triển khai các dự án, nhằm tối ưu hóa nguồn lực và thúc đẩy phát triển. Nghị định

này nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn ODA, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

III – THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI

1. Thông tin đối ngoại và công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới

Theo Điều 6, Nghị định 72/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 07/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý hoạt động thông tin đối ngoại quy định: *“Thông tin đối ngoại bao gồm thông tin chính thức về Việt Nam, thông tin quảng bá hình ảnh Việt Nam và thông tin tình hình thế giới vào Việt Nam”*.

Tại Điều 7 của Nghị định 72/2015/NĐ-CP quy định thông tin chính thức về Việt Nam, gồm:

1. Thông tin chính thức về Việt Nam là thông tin về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thông tin về tình hình Việt Nam trên các lĩnh vực; thông tin về lịch sử Việt Nam và các thông tin khác.

2. Thông tin chính thức về Việt Nam do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ động cung cấp theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tới cộng đồng quốc tế và người Việt Nam ở nước ngoài.

3. Thông tin chính thức về Việt Nam được cung cấp bằng các hình thức sau đây: a) Phát ngôn chính thức tại các sự kiện, diễn đàn quốc tế, họp báo quốc tế, họp báo trong nước. b) Phát ngôn chính thức của các cơ quan quản lý nhà nước. c) Hoạt động đối ngoại của các cơ quan quản lý nhà nước. d) Hoạt động đối ngoại, phát ngôn, tổ chức sự kiện, đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử và hoạt động khác của cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài. đ) Các chương trình, sản phẩm báo chí của các cơ quan báo chí trực thuộc Chính phủ gồm Thông tấn xã Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam. e) Đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, trang thông tin điện tử đối ngoại, Cổng thông tin điện tử các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. g) Xuất bản phẩm bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài của các cơ quan nhà nước.

4. Việc cung cấp thông tin chính thức về Việt Nam dưới mọi hình thức phải tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Quy định về cung cấp thông tin quảng bá hình ảnh Việt Nam (Điều 8 của Nghị định 72/2015/NĐ-CP), gồm: (1). Thông tin quảng bá hình ảnh Việt Nam là thông tin về đất nước, con người, lịch sử, văn hóa của dân tộc Việt Nam. (2) Thông tin quảng bá hình ảnh Việt Nam do các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tới cộng đồng quốc tế và người Việt Nam ở nước ngoài. (3) Thông tin quảng bá hình ảnh Việt Nam được cung cấp qua 06 hình thức: Xuất bản phẩm bằng tiếng Việt và tiếng nước

ngoài; sự kiện được tổ chức tại Việt Nam và nước ngoài; các sản phẩm báo chí của phương tiện thông tin đại chúng; các sự kiện do Trung tâm văn hóa Việt Nam tại nước ngoài tổ chức; các sản phẩm của các cơ quan thông tấn, báo chí, công ty truyền thông nước ngoài; Hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế của các cơ quan, tổ chức, cá nhân. (4) Việc cung cấp thông tin quảng bá hình ảnh Việt Nam dưới mọi hình thức phải tuân thủ các quy định pháp luật của Việt Nam, pháp luật nước sở tại tại Điều 9 của Nghị định 72/2015/NĐ-CP quy định cung cấp thông tin tình hình thế giới vào Việt Nam, gồm 4 mục: Thông tin tình hình thế giới vào Việt Nam là thông tin về tình hình thế giới trên các lĩnh vực, thông tin về quan hệ giữa Việt Nam với các nước và các thông tin khác nhằm thúc đẩy quan hệ chính trị, xã hội, văn hóa, quốc phòng - an ninh giữa Việt Nam với các nước; phục vụ phát triển kinh tế đất nước; thúc đẩy tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam. Thông tin tình hình thế giới vào Việt Nam do Bộ Ngoại giao, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, các cơ quan tổ chức khác của Việt Nam ở nước ngoài, các cơ quan thông tấn, báo chí trực thuộc Chính phủ (Thông tấn xã Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam), phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, thu thập, tổng hợp và cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền, báo chí và người dân Việt Nam. Thông tin tình hình thế giới vào Việt Nam được cung cấp bởi các cơ quan, tổ chức nêu tại Khoản 2 Điều này bằng 04 hình thức là qua người phát ngôn, đăng tải qua cổng thông tin điện tử và các trang thông tin điện tử; tại các cuộc họp báo định kỳ và giao ban báo chí; qua các phương tiện thông tin đại chúng. Việc cung cấp thông tin tình hình thế giới vào Việt Nam được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến các hình thức nêu tại Khoản 3 Điều này.

Những nội dung chính của Kết luận số 57-KL/TW, ngày 15/6/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới. **Ban Tuyên giáo Trung ương** được giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức quán triệt, hướng dẫn triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kết luận này. Những định hướng trong công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới gồm: *Về quan điểm* công tác thông tin đối ngoại gồm 6 điểm: Công tác thông tin đối ngoại là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng; thông tin đối ngoại phải gắn kết chặt chẽ, triển khai đồng bộ, có trọng tâm; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, phát huy thế mạnh riêng của các kênh đối ngoại; thông tin đối ngoại có tính dự báo cao, nhất là dư luận trong nước và quốc tế trước những vấn đề phức tạp, nhạy cảm; kết hợp hài hòa giữa thông tin “xây” và “chống; và đa dạng hóa phương thức thông tin và nội dung đối ngoại theo phương châm “Chủ động, đồng bộ, kịp thời, sáng tạo, hiệu quả”. *Về mục tiêu*, công tác thông tin đối ngoại đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà

nước phải đẩy mạnh quảng bá về đất nước Việt Nam hòa bình, hữu nghị, hợp tác, khơi dậy được tinh thần yêu nước đoàn kết dân tộc và khát vọng phồn vinh. *Về nội dung* thông tin đối ngoại cần tập trung giới thiệu, lan tỏa mạnh mẽ đến cộng đồng quốc tế 03 nhóm nội dung sau: (i) Lịch sử, truyền thống, hình ảnh đất nước, con người, văn hóa, các giá trị, tư tưởng cao đẹp, tinh thần của dân tộc Việt Nam; (ii) Thành tựu của công cuộc đổi mới, vai trò lãnh đạo của Đảng, tính ưu việt của chế độ. Chủ trương, đường lối của Đảng; (iii) Công tác bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới lãnh thổ. *Về phương thức* cần phải tích cực đổi mới công tác thông tin đối ngoại theo hướng tích cực hiện đại, hiệu quả, sát thực tiễn, phù hợp với đối tượng tiếp cận thông tin. Triển khai toàn diện, phối hợp linh hoạt trên các kênh đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Phải tận dụng được sự ủng hộ của quốc tế để xây dựng mặt trận công luận quốc tế ủng hộ Việt Nam. Thúc đẩy phát triển mạnh ngành công nghiệp văn hóa để lan tỏa các giá trị văn hóa, bản sắc Việt Nam, quảng bá hình ảnh, đất nước Việt Nam.

Ban Tuyên giáo Trung ương đã hướng dẫn thực hiện như sau: Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức: (1) Quán triệt, tuyên truyền: Triển khai rộng rãi nội dung Kết luận số 57-KL/TW đến các cấp, các ngành và các tổ chức liên quan. (2) Xây dựng chương trình, kế hoạch: Hướng dẫn các địa phương, đơn vị xây dựng kế hoạch hành động cụ thể để thực hiện Kết luận. (3) Tổ chức kiểm tra, giám sát: Theo dõi, đánh giá việc thực hiện Kết luận tại các địa phương, đơn vị, đảm bảo tính hiệu quả và tuân thủ đúng quy định. (4) Định kỳ báo cáo: Báo cáo Bộ Chính trị về tình hình, kết quả thực hiện Kết luận theo định kỳ, để kịp thời có những điều chỉnh phù hợp. Ngoài ra, hướng dẫn cũng tập trung vào việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại, đảm bảo tính chuyên nghiệp và hiện đại. Đồng thời, khuyến khích hợp tác quốc tế trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và khả năng đáp ứng yêu cầu công việc trong bối cảnh mới. 04 nội dung quan trọng khác trong hướng dẫn bao gồm: (1) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật liên quan đến công tác thông tin đối ngoại; (2) Xây dựng cơ chế, chính sách và đảm bảo nguồn lực cần thiết để công tác thông tin đối ngoại đạt hiệu quả cao. (3) Đẩy mạnh đấu tranh, phản bác các thông tin sai trái, thù địch, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng. (4) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông đa phương tiện trong hoạt động thông tin đối ngoại.

Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT), căn cứ theo Hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Trung ương, đã triển khai hướng dẫn thực hiện Kết luận số 57-KL/TW ngày 15/6/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới. Hướng dẫn này tập trung vào việc nâng cao nhận

thức, xây dựng kế hoạch, và triển khai các hoạt động cụ thể để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao trong Kết luận 57. Cụ thể, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các đơn vị trực thuộc và các cơ sở giáo dục đại học, gồm Trường Đại học Hòa Bình, thực hiện 06 nội dung sau: (1) Quán triệt, tuyên truyền và nâng cao nhận thức: Các đơn vị cần tổ chức phổ biến, quán triệt sâu rộng Kết luận 57 đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và học sinh, sinh viên. Việc nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của công tác thông tin đối ngoại trong giai đoạn hiện nay là rất quan trọng. (2) Xây dựng và triển khai kế hoạch: Các đơn vị cần xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của mình, để thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Kết luận 57. Kế hoạch cần xác định rõ mục tiêu, nội dung, giải pháp, thời gian thực hiện và các nguồn lực cần thiết. (3) Đổi mới nội dung, phương thức thông tin đối ngoại: Bộ GDĐT yêu cầu các đơn vị cần đổi mới nội dung, phương thức thông tin đối ngoại, tập trung vào việc quảng bá hình ảnh, đất nước, con người, văn hóa, giáo dục và khoa học công nghệ của Việt Nam ra thế giới. Cần đa dạng hóa hình thức thông tin, tận dụng các kênh truyền thông hiện đại và các nền tảng mạng xã hội. (4) Tăng cường hợp tác quốc tế: Các đơn vị cần đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, đặc biệt là trong các hoạt động trao đổi sinh viên, giảng viên, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Việc hợp tác này sẽ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và hội nhập quốc tế của Việt Nam. (5) Xây dựng đội ngũ cán bộ thông tin đối ngoại: Bộ GDĐT đặc biệt nhấn mạnh việc xây dựng đội ngũ cán bộ thông tin đối ngoại có trình độ chuyên môn cao, có bản lĩnh chính trị vững vàng, am hiểu pháp luật, có khả năng sử dụng ngoại ngữ và các kỹ năng truyền thông hiện đại. Cần có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ này một cách bài bản và thường xuyên. (6) Kiểm tra, giám sát, đánh giá: Các đơn vị cần tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá thường xuyên quá trình thực hiện Kết luận 57. Việc đánh giá cần khách quan, chính xác, trên cơ sở các tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể, để kịp thời điều chỉnh, bổ sung các giải pháp thực hiện. Hướng dẫn này của Bộ GDĐT nhằm mục tiêu cụ thể hóa Kết luận 57 của Bộ Chính trị, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin đối ngoại trong ngành giáo dục, qua đó, đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Phát ngôn đối ngoại

Về phát ngôn đối ngoại theo quy định tại Điều 27 của Thông tư 3736/TT-BGDĐT ngày 18/11/2020 về Quy chế quản lý đối ngoại của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, Lãnh đạo Bộ chịu trách nhiệm phát ngôn về chính sách đối ngoại. Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng có thể ủy quyền Cục trưởng Cục Hợp tác quốc tế chịu trách nhiệm phát ngôn về chính sách đối ngoại của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Cung cấp và tuyên truyền thông tin đối ngoại

Về cung cấp thông tin đối ngoại, căn cứ quy định cụ thể của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông tư số 3738/TT-BGDĐT nêu trên, việc cung cấp tài liệu và trao đổi thông tin với các đối tác nước ngoài phải tuân thủ theo những quy định bảo mật của nhà nước và những quy định hiện hành của Bộ về chế độ hoạt động của Người phát ngôn. Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện trong đơn vị mình và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo việc tuân thủ chế độ bảo mật theo quy định pháp luật và của Bộ.

Về tuyên truyền các hoạt động đối ngoại, đối với các cuộc tiếp đối tác nước ngoài của lãnh đạo Bộ, căn cứ vào nội dung và tính chất của cuộc gặp, bộ phận Hợp tác quốc tế phối hợp với khối Văn phòng mời các cơ quan báo chí, truyền thông tham dự. Đối với các sự kiện giáo dục, hội nghị, hội thảo giáo dục lớn tổ chức ở trong và ngoài nước và các đoàn ra, đoàn vào cấp lãnh đạo Bộ, căn cứ vào nội dung và mức độ quan trọng, Văn phòng phối hợp với bộ phận Hợp tác quốc tế và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai các hoạt động tuyên truyền phù hợp (trước, trong và sau các sự kiện đối ngoại trên các phương tiện thông tin, làm phim, ghi hình, chụp ảnh, tổ chức họp báo và các hình thức tuyên truyền khác).

V- ĐOÀN RA, ĐOÀN VÀO, HỘI THẢO QUỐC TẾ

1. Quy định về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam

Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15/4/2020 và thay thế Quyết định số 76/2010/QĐ-TTg.

Theo Quyết định 06 các hội nghị, hội thảo quốc tế (HNHTQT) là hội nghị, hội thảo do các cơ quan của Việt Nam tổ chức có sự tham gia hoặc nhận tài trợ của nước ngoài; hoặc do các tổ chức nước ngoài tại Việt Nam tổ chức; được tổ chức theo hình thức gặp gỡ trực tiếp trên lãnh thổ Việt Nam; hoặc theo hình thức trực tuyến với ít nhất một đầu cầu thuộc lãnh thổ Việt Nam.

HNHTQT tại Quyết định 06 điều chỉnh “*hội nghị, hội thảo có yếu tố nước ngoài*” thay “*hoạt động hội hợp có yếu tố nước ngoài*” trong Quyết định 76 (các hoạt động: tiếp khách quốc tế, lễ tưởng niệm, lễ kỷ niệm, lễ khai giảng, lễ bế giảng, lễ trao bằng, các cuộc họp nội bộ, các cuộc họp chuyên môn, bài giảng của giảng viên nước ngoài trong các chương trình đào tạo liên kết quốc tế, các chương trình đào tạo chất lượng cao đã được phê duyệt và cấp phép triển khai, ... không phải là HNHTQT).

Quyết định 06 quy định một đầu mỗi có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ xin phép tổ chức HNHTQT, tiến hành thẩm định, xin ý kiến của các cơ quan, địa phương liên quan và quyết định cho phép tổ chức HNHTQT hoặc trình Thủ tướng Chính phủ cho phép việc tổ chức HNHTQT.

Về quy trình tổ chức HNHTQT, trình tự thực hiện gồm: Bước 1 đơn vị tổ chức gửi hồ sơ xin phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế. Thời hạn ít nhất là 30 ngày trước ngày dự kiến tổ chức. Bước 2: Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo yêu cầu, cơ sở giáo dục đại học lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan và địa phương liên quan. Cơ quan, địa phương được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Bước 3: Sau khi có đầy đủ ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, địa phương liên quan, Trường tổ chức và báo cáo trước, trong và sau theo quy định. Hồ sơ (01 bộ) bao gồm: Công văn xin phép tổ chức; Đề án tổ chức theo Mẫu 01 tại Quyết định 06; Các văn bản, hồ sơ có liên quan. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định và theo yêu cầu.

Về trách nhiệm báo cáo, đối với đơn vị tổ chức trong vòng 15 ngày sau khi kết thúc HNHTQT, đơn vị tổ chức phải có báo cáo kết quả và công tác tổ chức HNHTQT. Hàng năm, đơn vị trong Trường có báo cáo tổng hợp kết quả và công tác tổ chức HNHTQT trong năm, đồng thời xây dựng kế hoạch tổ chức HNHTQT năm tiếp theo của đơn vị và gửi báo cáo về Phòng Quản lý Khoa học, Hợp tác quốc tế và Xuất bản để tổng hợp báo cáo lên các cơ quan chức năng chậm nhất vào ngày 15 tháng 12. Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước của kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Về thị thực nhập cảnh, các nhà khoa học, chuyên gia, người nước ngoài tham dự HNHTQT đến từ các nước và khu vực không miễn thị thực nhập cảnh thì cần có thị thực nhập cảnh đúng mục đích HNHT khi vào Việt Nam.

Quyết định số 729/QĐ-BNG ngày 10 tháng 4 năm 2020 của Bộ Ngoại giao là quyết định công bố các thủ tục hành chính về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam. Theo đó, quyết định này quy định các thủ tục cần thiết để xin phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế, đặc biệt là các hội nghị, hội thảo có sự tham gia của các quan chức cấp cao hoặc có nội dung liên quan đến các vấn đề nhạy cảm như chủ quyền, an ninh quốc gia, quyền con người, hoặc bí mật nhà nước. Quyết định này cũng quy định thời hạn gửi hồ sơ xin phép là trước 40 ngày so với ngày dự kiến tổ chức, và cơ quan có thẩm quyền sẽ có văn bản trả lời về việc cho phép tổ chức. Như vậy, Quyết định 729/QĐ-BNG nhằm mục đích quản lý chặt chẽ việc tổ

chức các sự kiện quốc tế tại Việt Nam, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật và bảo vệ các lợi ích quốc gia.

Quyết định số 04/2021/QĐ-UBND ngày 01/04/ 2021 Về việc ban hành Quy chế tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền của thành phố Hà Nội. Trường Đại học Hòa Bình có trụ sở trên địa bàn thành phố Hà Nội. Do vậy ngoài báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Hội nghị, hội thảo quốc tế do Trường tổ chức còn thuộc diện điều chỉnh theo các quy định của cơ quan của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

Thẩm quyền cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế (Điều 3) gồm 02 nội dung: (1) Chủ tịch UBND Thành phố quyết định việc tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế của UBND Thành phố và cho phép các đơn vị trực thuộc, các tổ chức nước ngoài được tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế có thành viên tham dự từ cấp Phó Tỉnh trưởng hoặc tương đương trở xuống và nội dung không liên quan đến các vấn đề chủ quyền quốc gia, an ninh, quốc phòng, dân tộc, tôn giáo, quyền con người hoặc không thuộc phạm vi bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước. (2) Giám đốc Sở Ngoại vụ quyết định việc cấp phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế theo ủy quyền của Chủ tịch UBND Thành phố đối với đơn vị tổ chức là doanh nghiệp thuộc tất cả các loại hình hoạt động hợp pháp tại Việt Nam do UBND Thành phố cho phép hoạt động, ngoại trừ loại hình doanh nghiệp nhà nước, công ty TNHH nhà nước một thành viên thuộc Thành phố.

Trách nhiệm của đơn vị tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế (Điều 4) gồm 03 điểm: Một là, tiến hành hội nghị, hội thảo quốc tế theo đúng nội dung và đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện đúng các quy định hiện hành về chi tiêu, thanh quyết toán tài chính. Chịu trách nhiệm về nội dung, tài liệu, báo cáo tham luận, số liệu sử dụng tại hội nghị, hội thảo, nội dung các ấn phẩm phát hành trước, trong và sau hội nghị, hội thảo như đăng ký trong hồ sơ xin phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế. Hai là, các đơn vị khi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế phải thực hiện nghiêm túc các quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước, và các quy định trong việc thông tin tuyên truyền. Ba là, trong phạm vi 15 ngày kể từ ngày kết thúc hội nghị, hội thảo quốc tế, đơn vị tổ chức phải báo cáo kết quả hội nghị, hội thảo quốc tế và các đề xuất, kiến nghị (nếu có) bằng văn bản theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số [06/2020/QĐ-TTg](#) ngày 21/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

Về trách nhiệm quản lý (Điều 5) gồm các quy định như sau:

Sở Ngoại vụ Hà Nội là cơ quan đầu mối giúp UBND Thành phố thống nhất quản lý đối với hội nghị, hội thảo quốc tế trên địa bàn Thành phố; tham mưu Chủ

tịch UBND Thành phố quyết định việc cấp phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế đối với các trường hợp thuộc khoản 1, Điều 3 và quyết định việc cấp phép đối với các trường hợp thuộc khoản 2, Điều 3 của Quy chế này; tham mưu Chủ tịch UBND Thành phố việc trình Thủ tướng Chính phủ cấp phép các trường hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định số [06/2020/QĐ-TTg](#) ngày 21/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Tham mưu UBND Thành phố trả lời văn bản xin ý kiến đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của người có thẩm quyền khác; trực tiếp nhận hồ sơ, thẩm định nội dung và lấy ý kiến của các cơ quan, địa phương liên quan đến nội dung tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế. Đồng thời, có trách nhiệm cập nhật, trao đổi thông tin với các Sở, ban, ngành chuyên môn về việc cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế để kịp thời theo dõi, phối hợp quản lý có hiệu quả; chủ động cung cấp thông tin về thời gian, địa điểm, chương trình, thành phần tham gia các hội thảo, hội nghị quốc tế (gồm họ tên, số hộ chiếu, chức danh của thành viên tham dự) với Công an Thành phố để thực hiện công tác hướng dẫn Luật xuất nhập cảnh và công tác bảo vệ; thực hiện việc thanh tra, kiểm tra các đơn vị tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và có biện pháp xử lý kịp thời, lập biên bản, đình chỉ việc tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật hoặc cố ý làm trái các quy định của Quy chế này trong quá trình tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế; phối hợp kiểm tra việc thực hiện các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, các quy định về thông tin, tuyên truyền trước, trong và sau hội nghị, hội thảo quốc tế; cử cán bộ tham dự một số hội nghị, hội thảo khi cần thiết; trong trường hợp tổ chức hội nghị, hội thảo phát sinh tính chất phức tạp, nhạy cảm, Sở Ngoại vụ tham mưu UBND Thành phố báo cáo, tham khảo ý kiến Bộ Ngoại giao và các cơ quan, địa phương liên quan trước khi quyết định. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan xây dựng phương án xử lý các tình huống phức tạp, nhạy cảm phát sinh trong quá trình tổ chức hội nghị, hội thảo; định kỳ **trước ngày 16 tháng 12 hằng năm** tổng hợp, dự thảo báo cáo tình hình tổ chức, quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế của thành phố Hà Nội trình UBND Thành phố gửi Bộ Ngoại giao để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Quyết định số [06/2020/QĐ-TTg](#) ngày 21/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Công an thành phố Hà Nội phối hợp với Sở Ngoại vụ trong công tác tham mưu UBND Thành phố về những vấn đề có liên quan đến an ninh chính trị, trật tự - an toàn xã hội trong hội nghị, hội thảo quốc tế; phối hợp với Sở Ngoại vụ Hà Nội và các cơ quan, địa phương liên quan trong việc kiểm tra thực hiện, có biện pháp xử lý kịp thời đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật hoặc cố ý làm trái các quy định của Quy chế này trong quá trình tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế; kiểm tra việc thực hiện các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trước, trong và sau khi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế; đồng thời, phối hợp với ban tổ chức

đảm bảo an ninh, an toàn cho hội nghị, hội thảo quốc tế; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông quản lý việc tuyên truyền trước, trong và sau hội nghị, hội thảo; kiểm tra nội dung các ấn phẩm sử dụng tại hội nghị, hội thảo quốc tế; cử cán bộ tham dự các hội nghị, hội thảo quốc tế trong trường hợp cần thiết.

Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội thực hiện chức năng quản lý nhà nước có liên quan đến hoạt động văn hóa, quảng cáo, treo băng rôn trên địa bàn Thành phố sau khi đơn vị tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế được cấp có thẩm quyền đồng ý cấp phép.

Sở Thông tin và Truyền thông Hà Nội phối hợp với Sở Ngoại vụ, Công an Thành phố và các cơ quan liên quan kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về hoạt động thông tin, tuyên truyền và giới thiệu, phát hành các ấn phẩm báo chí và xuất bản phẩm sử dụng tại hội nghị, hội thảo quốc tế.

Sở Xây dựng Hà Nội thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các hoạt động về trang trí cây xanh, chiếu sáng, vệ sinh môi trường tại khu vực tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế; và quản lý về trật tự xây dựng tại nơi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế (nếu có các hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình phục vụ hội nghị, hội thảo quốc tế).

Các cơ quan, địa phương liên quan đến việc tổ chức và quản lý hội nghị hội thảo quốc tế sau khi nhận được văn bản đề nghị phối hợp cho ý kiến của Sở Ngoại vụ, cơ quan, địa phương có văn bản trả lời các nội dung theo đề nghị của Sở Ngoại vụ trong thời hạn quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Quyết định số [06/2020/QĐ-TTg](#) ngày 21/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Quá thời hạn trên, xem như cơ quan, đơn vị đồng ý và chịu trách nhiệm về lĩnh vực được giao. Nội dung ý kiến của các cơ quan, địa phương liên quan và nội dung xử lý, tổng hợp, thẩm định của cơ quan chủ trì:

(1) Nội dung ý kiến của các cơ quan, địa phương liên quan: Công an Thành phố căn cứ quy định pháp luật, các chủ trương, chương trình, kế hoạch về an ninh, trật tự, an toàn xã hội của Trung ương và Thành phố cho ý kiến đối với thời gian, địa điểm, thành phần tham dự, chủ đề, nội dung, tài liệu của hội nghị, hội thảo quốc tế; tình hình hoạt động và việc chấp hành của các đơn vị tổ chức; các Sở, ban, ngành căn cứ quy định pháp luật, các chủ trương, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Trung ương và Thành phố thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành mình phụ trách cho ý kiến đối với chủ đề, nội dung, tài liệu của hội nghị, hội thảo quốc tế; tình hình hoạt động và việc chấp hành pháp luật của các đơn vị tổ chức; ý kiến thống nhất đối với trường hợp đơn vị tổ chức là đơn vị trực thuộc hoặc là các quỹ, hội thuộc quản lý chuyên ngành; Các địa phương căn cứ quy định pháp luật,

các chủ trương, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và an ninh, trật tự, an toàn xã hội của Thành phố và địa phương, các sự kiện chính trị - văn hóa tổ chức cùng thời điểm, địa điểm trên địa bàn cho ý kiến đối với thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế; ý kiến thống nhất đối với trường hợp đơn vị tổ chức là đơn vị trực thuộc hoặc là các quỹ, hội thuộc quản lý theo phân cấp và các ý kiến khác (nếu có).

(2) Nội dung xử lý, tổng hợp, thẩm định của cơ quan chủ trì sau khi tiếp nhận hồ sơ, Sở Ngoại vụ xác định các cơ quan, địa phương liên quan cần xin ý kiến. Tùy thuộc trường hợp người có thẩm quyền cho phép, Sở Ngoại vụ gửi văn bản hoặc tham mưu UBND Thành phố gửi văn bản xin ý kiến các cơ quan, địa phương đó. Sau khi nhận được ý kiến của các cơ quan, địa phương liên quan, trên cơ sở các ý kiến đó và căn cứ các quy định pháp luật, các chủ trương, chương trình, kế hoạch về đối ngoại của Trung ương và Thành phố, Sở Ngoại vụ tổng hợp, thẩm định về việc chấp hành pháp luật của các đơn vị tổ chức hội nghị hội thảo quốc tế; chủ đề của hội nghị, hội thảo; thời gian tổ chức; địa điểm tổ chức; diễn giả; thành phần tham dự; nội dung phát biểu, trình bày, thảo luận; nội dung tài liệu. Căn cứ kết quả tổng hợp, thẩm định, Sở Ngoại vụ đề xuất, dự thảo văn bản trình người có thẩm quyền trả lời việc đồng ý hoặc không đồng ý cho phép. Đối với các hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép và trình Thủ tướng Chính phủ cho phép của Chủ tịch UBND Thành phố được tổ chức trên địa bàn. Các cơ quan, địa phương liên quan cho ý kiến về thời gian và địa điểm, trừ trường hợp văn bản của cơ quan của người chủ trì có đề nghị thêm các nội dung khác.

(3) Tuân thủ quy trình tiếp nhận, thẩm định hồ sơ xin phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Quyết định số [06/2020/QĐ-TTg](#) ngày 21/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ; phối hợp cho ý kiến trong quá trình cơ quan của người có thẩm quyền xử lý hồ sơ xin phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế; Phối hợp kiểm tra, bảo đảm các hội nghị, hội thảo quốc tế được tổ chức theo nội dung, Đề án đã được phê duyệt đối với nội dung thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của đơn vị mình;

(4) Phối hợp kiểm tra, bảo đảm các hội nghị, hội thảo quốc tế được tổ chức theo nội dung, đề án đã được phê duyệt đối với nội dung thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của đơn vị mình;

(5) Có trách nhiệm phối hợp với Sở Ngoại vụ quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế đã được cho phép tổ chức đối với nội dung thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của đơn vị;

(6) Báo cáo tình hình tổ chức, quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế có nội dung thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của đơn vị mình. **Trước ngày 14 tháng 12 hàng năm gửi báo cáo định kỳ cho Sở Ngoại vụ** để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố theo quy định (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Quyết định số [06/2020/QĐ-TTg](#) ngày 21/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ). Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;

(7) Theo dõi, phát hiện, xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan của người có thẩm quyền xử lý đối với các cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm các quy định của Quy chế này;

(8) Nếu phát hiện việc tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế có dấu hiệu vi phạm các quy định của Quy chế này, Sở Ngoại vụ, Công an Thành phố hoặc cơ quan quản lý các lĩnh vực liên quan đến nội dung hội nghị, hội thảo quốc tế, địa phương nơi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế có trách nhiệm đề nghị cơ quan của người có thẩm quyền xem xét đình chỉ việc tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế hoặc xử lý theo quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Các cơ sở giáo dục đại học, trong quá trình tổ chức, thực hiện các quy định về hội thảo, hội nghị quốc tế, theo quy định tại Điều 6 chịu trách nhiệm tuân thủ quy trình thủ tục quy định tại Quyết định số 729/QĐ-BNG ngày 10 tháng 4 năm 2020 của Bộ Ngoại giao về việc công bố các thủ tục hành chính về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam.

Hành vi vi phạm quy định về hợp tác quốc tế về pháp luật như sau: Điều 41 Mục 3 Chương 3 của Nghị định 110/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về Quy định xử phạt vi phạm hành chính như sau: (1) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo hoặc báo cáo không đúng về tình hình hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật. (2) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không xin phép; không đúng chương trình, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; không gửi báo cáo sau khi tổ chức hội nghị, hội thảo. (3) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau: Không tuân thủ quy định về trình cơ quan có thẩm quyền khi sửa đổi, bổ sung chương trình, dự án hợp tác làm thay đổi mục tiêu của chương trình, dự án hợp tác đó; không theo dõi, đánh giá chương trình, dự án trong quá trình thực hiện; ký kết các thỏa thuận hợp tác không đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục. (4) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau: Triển khai thực hiện hoặc cho phép thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác với nước ngoài về pháp luật khi không có văn bản ký kết hoặc có văn bản ký kết nhưng chưa có hiệu lực

pháp luật; đình chỉ, tạm đình chỉ, hủy bỏ chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác với nước ngoài về pháp luật mà không có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ngoài ra, các hoạt động về HNHTQT cần đảm bảo thực hiện theo hướng dẫn của các cơ quan chức năng tại Quyết định 272-QĐ/TW ngày 21/01/2015 của Bộ Chính trị ban hành Quy chế quản lý thống nhất hoạt động đối ngoại; Kết luận số 33-KL/TW ngày 25/7/2018 của Bộ chính trị về tiếp tục thực hiện Quy chế 272; Hướng dẫn 05-HD/BĐNTW ngày 26/3/2019 của Ban Đối ngoại Trung ương hướng dẫn thực hiện Quy chế 272 và Kết luận 33; Nghị định 113/2014/NĐ-CP ngày 26/11/2014 của Chính phủ về quản lý hợp tác quốc tế pháp luật; Quyết định số 729/QĐ-BNG ngày 10/4/2020 của Bộ Ngoại giao về công bố thủ tục hành chính về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam; Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về Quy định xử phạt hành chính.

Trong quá trình thực hiện, các cơ sở giáo dục đại học mắc sai phạm sẽ áp dụng chế tài theo quy định về xử phạt hành chính quy định tại các văn bản Nghị định [63/2010/NĐ-CP](#) ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định [48/2013/NĐ-CP](#) ngày 14/5/2013 và Nghị định [92/2017/NĐ-CP](#) ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến công tác kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư [02/2017/TT-VPCP](#) ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.

2. Quy định về đoàn ra, đoàn vào

Quyết định 3767/QĐ-BGDĐT ngày 18/11/2020 ban hành Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của Bộ GD&ĐT.

Hoạt động đối ngoại gồm 10 nội dung: Xây dựng kế hoạch hằng năm về hoạt động đối ngoại và điều phối hoạt động đối ngoại; đàm phán, ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế; triển khai thực hiện các đề án, dự án, chương trình, kế hoạch và hoạt động hợp tác quốc tế của Bộ; vận động, điều phối nguồn tài trợ của nước ngoài, bao gồm nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nguồn hỗ trợ phi chính phủ nước ngoài và nguồn tài trợ cho các hoạt động hợp tác quốc tế nằm trong các chương trình, dự án do bộ, ngành khác hoặc đối tác nước ngoài chủ trì quản lý thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo; tổ chức hoặc tham gia tổ chức các hội nghị, lớp tập huấn, hợp, gặp mặt, tiếp xúc, hội thảo, diễn đàn, triển lãm có sự tham gia hoặc tài trợ của đối tác nước ngoài (sau đây gọi tắt là hội nghị, hội thảo quốc tế); đón, tiễn và làm việc với đối tác nước ngoài (đoàn vào); tổ chức đoàn đi công tác

nước ngoài (đoàn ra); giao dịch với đối tác nước ngoài bằng văn bản; lễ tân đối ngoại; và khen thưởng các tổ chức, cá nhân người nước ngoài.

07 nguyên tắc hoạt động đối ngoại (Điều 3) như sau: (1) Giữ vững nguyên tắc độc lập, bảo đảm an ninh, chủ quyền quốc gia, đảm bảo bí mật Nhà nước, phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách đối ngoại của Đảng và pháp luật của Nhà nước. (2) Thực hiện đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại; chủ động, tích cực trong hội nhập quốc tế, nhất là với các nước láng giềng, đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, bạn bè truyền thống và các đối tác có thế mạnh về lĩnh vực giáo dục và đào tạo; đề cao hiệu quả, thực chất trong các hoạt động đối ngoại, nhất là đối với các chương trình, dự án; tập trung cho các nhiệm vụ trọng tâm của bộ, ngành trong từng giai đoạn và từng năm; tiếp thu những tri thức và kinh nghiệm tốt của các nước một cách chọn lọc, phù hợp với truyền thống pháp luật và điều kiện, hoàn cảnh của Việt Nam. (3) Bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với các hoạt động đối ngoại, phân cấp quản lý theo chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Lãnh đạo Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc các Ban quản lý chương trình, dự án trong việc quản lý và thực hiện các hoạt động đối ngoại của Bộ. (4). Bảo đảm quản lý thống nhất, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích, đúng quy định, công khai, minh bạch các nguồn kinh phí của các chương trình, dự án, hoạt động hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật. (5) Đảm bảo công tác vận động, điều phối nguồn tài trợ của nước ngoài nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nguồn hỗ trợ không hoàn lại từ các cơ quan, tổ chức nước ngoài dành cho Bộ theo đúng quy định của Nhà nước. (6) Tôn trọng pháp luật và thông lệ quốc tế. (7) Mọi hoạt động đối ngoại của Bộ phải được thực hiện theo Hiến pháp, các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước về quản lý hoạt động đối ngoại.

Về thẩm quyền quyết định hoạt động đối ngoại, Bộ trưởng quyết định những vấn đề sau: Quyết định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định các chủ trương, định hướng hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo; phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền ký các thỏa thuận quốc tế hoặc điều ước quốc tế về giáo dục và đào tạo; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện các điều ước quốc tế về giáo dục và đào tạo; phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch hằng năm về hoạt động đối ngoại của Bộ; quyết định việc thành lập Ban quản lý chương trình, dự án và bộ máy giúp việc đối với các ban quản lý chương trình, dự án hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật; quyết định nhân sự đi công tác nước ngoài đối với các Thứ trưởng và các lãnh đạo cấp Cục/Vụ; quyết định các vấn đề khác về đối ngoại theo quy định của pháp luật. Bộ trưởng chỉ đạo hoặc ủy quyền cho Thứ trưởng phụ trách hợp tác quốc tế hoặc Thứ trưởng phụ trách đơn vị hoặc Thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ quyết định cử nhân sự là chuyên viên hoặc lãnh đạo cấp

phòng tham gia các đoàn công tác nước ngoài hoặc thực hiện một hoặc một số việc tại khoản 1 Điều này theo quy định của Quy chế làm việc của Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế làm việc của Bộ.

Về quy trình đoàn ra, đoàn vào tham chiếu điều khoản quy định tại Điều 17, 18, 19 tại Quyết định 3736/QĐ-BGDĐT áp dụng đối với cơ sở giáo dục đại học như sau:

Đoàn ra do Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng Trường làm Trưởng đoàn: Các bước gồm Bước 1- Chậm nhất là 30 ngày làm việc trước khi khởi hành, Phòng Quản lý Khoa học, Hợp tác quốc tế và Xuất bản (bộ phận Hợp tác quốc tế) phối hợp với đơn vị chức năng của Trường tiến hành thủ tục xin phép đơn vị chức năng cho phép đi công tác nước ngoài. Bước 2- Chậm nhất là 30 ngày làm việc trước khi khởi hành, bộ phận Hợp tác quốc tế đề xuất và báo cáo các đơn vị chức năng xem xét, quyết định giao các đơn vị chuẩn bị nội dung cho đoàn. Chậm nhất là 20 ngày làm việc trước khi khởi hành, các đơn vị được phân công chuẩn bị nội dung bằng văn bản gửi bộ phận Hợp tác quốc tế để tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng về kết quả chuẩn bị; bộ phận Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thuộc Trường đề xuất thành phần đoàn, trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định. Bước 3- Sau khi Hiệu trưởng phê duyệt thành phần đoàn, Phòng Hành chính – Quản trị chủ trì, phối hợp với Phòng Quản lý Khoa học, Hợp tác quốc tế và Xuất bản (bộ phận Hợp tác quốc tế) xây dựng kế hoạch đón và tiễn đoàn; chuẩn bị các điều kiện cần thiết theo quy định hiện hành. Bước 4: Bộ phận Hợp tác quốc tế có trách nhiệm xây dựng chương trình công tác ở nước ngoài, hoàn thành các thủ tục về hộ chiếu, visa, lễ tân đối ngoại, thông báo cho cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài và cơ quan đại diện của nước ngoài tại Việt Nam, các cơ quan có liên quan để phối hợp khi cần thiết, đảm bảo chương trình công tác của đoàn đúng kế hoạch, hiệu quả và tiết kiệm. Bước 5: Bộ phận Hợp tác quốc tế có trách nhiệm gửi Quyết định cử đoàn đi công tác và báo cáo kết quả chuyến công tác đến các đơn vị chức năng theo quy định hiện hành. Trong trường hợp Hiệu trưởng tham gia các đoàn lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước hoặc các đoàn do bộ, ngành, cơ quan khác tổ chức, bộ phận Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với Phòng Hành chính – Quản trị và các đơn vị có liên quan chuẩn bị nội dung, nhân sự và điều kiện cần thiết, báo cáo Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

Đối với đoàn ra do Phó Hiệu trưởng làm Trưởng đoàn, trình tự các bước như sau: Bước 1: Sau khi có ý kiến của Hiệu trưởng đồng ý cho phép Phó Hiệu trưởng đi công tác nước ngoài, bộ phận Hợp tác quốc tế hoặc đơn vị chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan của trường đề xuất thành phần đoàn, xin ý kiến của Phó Hiệu trưởng trưởng là Trưởng đoàn, trình Hiệu trưởng xem xét quyết định và phê duyệt.

Bước 2: Bộ phận Hợp tác quốc tế hoặc đơn vị chủ trì đề xuất các đơn vị liên quan chuẩn bị nội dung và báo cáo Phó Hiệu là Trưởng đoàn. Chậm nhất là 20 ngày làm việc trước khi khởi hành, các đơn vị được phân công chuẩn bị nội dung làm việc bằng văn bản báo cáo Trưởng đoàn về kết quả chuẩn bị, đồng thời sao gửi bộ phận Hợp tác quốc tế. Bước 3: Sau khi Hiệu trưởng phê duyệt thành phần đoàn, bộ phận Hợp tác quốc tế hoặc đơn vị chủ trì phối hợp với Văn phòng và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch đoàn; chuẩn bị các điều kiện cần thiết theo quy định hiện hành. Bước 4: Bộ phận Hợp tác quốc tế và đơn vị chủ trì có trách nhiệm hoàn thành các thủ tục về hộ chiếu, visa, lễ tân đối ngoại, thông báo cho cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài và cơ quan đại diện của nước ngoài tại Việt Nam, các cơ quan có liên quan để phối hợp khi cần thiết, đảm bảo chương trình công tác của đoàn đúng kế hoạch, hiệu quả và tiết kiệm.

Đối với đoàn ra do lãnh đạo đơn vị thuộc, trực thuộc Trường làm trưởng đoàn hoặc tham gia quy định như sau: (1) Đối với đoàn ra gồm 01 người, sau khi có đề nghị của Thủ trưởng đơn vị quản lý cán bộ, công chức, Phòng Tổ chức - cán bộ phối hợp với bộ phận Hợp tác quốc tế trình Hiệu trưởng hoặc Ban lãnh đạo Trường xem xét, quyết định. (2) Đối với đoàn ra từ 02 người trở lên do Trưởng, Phó các đơn vị thuộc hoặc trực thuộc Trường làm Trưởng đoàn, căn cứ vào mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể của từng đoàn, Phòng Tổ chức - Cán bộ phối hợp với bộ phận Hợp tác quốc tế trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định. Trường hợp được cử đi tham gia cùng đại diện bộ phận Hợp tác quốc tế đàm phán các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế hoặc cử đi tham gia các diễn đàn, hội nghị quốc tế về lĩnh vực chuyên môn, cán bộ, giảng viên được cử tham gia phải đảm bảo trình độ chuyên môn, ngoại ngữ và kinh nghiệm phù hợp với yêu cầu của từng hoạt động cụ thể. (3) Chậm nhất là 20 ngày làm việc trước khi khởi hành, đơn vị được phân công chuẩn bị nội dung phải hoàn thành việc chuẩn bị nội dung, báo cáo Trưởng đoàn bằng văn bản, chủ trì và phối hợp với bộ phận Hợp tác quốc tế thực hiện các công việc về lễ tân đối ngoại, thông báo cho cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài về các nội dung liên quan. (4) Trong trường hợp Lãnh đạo đơn vị thuộc, trực thuộc Trường hoặc cán bộ, giảng viên tham gia các đoàn ra do các bộ, ngành hoặc cơ quan khác chủ trì, bộ phận Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với đơn vị liên quan đề xuất cử người bảo đảm chuyên môn, ngoại ngữ và kinh nghiệm cần thiết tham gia đoàn, báo cáo Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

Về xây dựng kế hoạch đoàn ra, đơn vị chủ trì xây dựng kế hoạch đoàn ra, đoàn vào hằng năm của Ban Lãnh đạo Trường gửi bộ phận Hợp tác quốc tế, trình Hiệu trưởng phê duyệt. Đơn vị chủ trì xây dựng và trình kế hoạch đoàn ra, đoàn vào phát sinh ngoài kế hoạch đã được Hiệu trưởng phê duyệt đầu năm, bao gồm việc xin ý

kiến Phòng Quản lý Khoa học, Hợp tác quốc tế và Xuất bản (bộ phận Hợp tác quốc tế) trước khi trình Hiệu trưởng với các đoàn phát sinh ngoài kế hoạch.

Về tổ chức thực hiện đoàn ra: (1) Trưởng đoàn chịu trách nhiệm về các hoạt động của đoàn từ khi ra nước ngoài đến khi về Việt Nam, nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của Đảng và Nhà nước về quản lý đoàn ra. (2) Đối với các đoàn ra sử dụng ngân sách nhà nước, trong thời hạn chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày khởi hành, Phòng Hành chính – Quản trị, Phòng Kế hoạch – Tài chính và bộ phận Hợp tác quốc tế có trách nhiệm hoàn thành việc mua vé máy bay, tạm ứng kinh phí cho đoàn. (3) Trong trường hợp vì lý do khách quan hoặc theo yêu cầu công việc mà đoàn không thể về nước đúng thời hạn, Trưởng đoàn hoặc cán bộ, công chức (đối với đoàn chỉ gồm 01 người) có trách nhiệm liên lạc, báo cáo bộ phận Hợp tác quốc tế. Trong trường hợp cần thiết, bộ phận Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ báo cáo Lãnh đạo Trường xem xét, quyết định. (4) Trong thời hạn chậm nhất là 15 ngày làm việc sau khi đoàn về nước, theo sự phân công của Trưởng đoàn, thành viên trong đoàn có trách nhiệm hoàn thành báo cáo kết quả chuyến đi, trình các cấp có thẩm quyền và gửi về bộ phận Hợp tác quốc tế tổng hợp để làm căn cứ cho chuyến công tác nước ngoài tiếp theo. (5) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi đoàn về nước, tùy trường hợp cụ thể, Trưởng đoàn có trách nhiệm chuyển những hồ sơ, tài liệu chuyên môn do đối tác nước ngoài tặng, biếu, cung cấp tới bộ phận Hợp tác quốc tế hoặc đơn vị chủ trì đoàn ra để trình Hiệu trưởng khai thác và sử dụng chung cho Trường. (6) Trường hợp cần thiết, bộ phận Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với đơn vị chức năng báo cáo Ban Lãnh đạo Trường cho phép tổ chức tọa đàm báo cáo, chia sẻ kết quả, thông tin về chuyến đi.

Về thủ tục đoàn vào, theo quy định tại Điều 24, tham chiếu vào thực hiện tại cơ sở giáo dục đại học như sau: Căn cứ vào kế hoạch hằng năm về hoạt động đối ngoại hoặc báo cáo (đối với các đoàn không nằm trong Kế hoạch) đã được Hiệu trưởng phê duyệt về việc đón đoàn cấp Cục/Vụ hoặc đoàn chuyên gia (sau đây gọi là đoàn chuyên gia) vào Việt Nam làm việc, bộ phận Hợp tác quốc tế phối hợp với đơn vị chủ trì đón tiếp xây dựng kế hoạch chi tiết đón và làm việc với đoàn, trình lãnh đạo Trường xem xét, quyết định. Đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm thực hiện kế hoạch chi tiết đón đoàn đã được phê duyệt, xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề phát sinh. Trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày làm việc sau khi đoàn chuyên gia rời Việt Nam, đơn vị chủ trì báo cáo Hiệu trưởng bằng văn bản về kết quả đón và làm việc với đoàn, đồng thời sao gửi bộ phận Hợp tác quốc tế để tổng hợp và theo dõi. Trong trường hợp các cơ quan, tổ chức hữu quan của Việt Nam hoặc các tổ chức nước ngoài đề nghị Trường đón và làm việc với đoàn chuyên gia nước ngoài, bộ phận Hợp tác quốc tế phối hợp với Phòng Hành chính – Quản trị và các

đơn vị liên quan báo cáo Lãnh đạo Bộ xin chủ trương; tổ chức thực hiện sau khi có ý kiến của Lãnh đạo Bộ. Các nội dung khác theo quy định hiện hành.

3. Quy định về việc tiếp khách nước ngoài, tổ chức tiệc chiêu đãi, tặng quà cho đối tác nước ngoài

Thủ tục tiếp khách quốc tế phải tuân thủ các quy định của pháp luật và an ninh chính trị nội bộ. Thủ tục tiếp khách quốc tế (đối với các đoàn khách không phải là khách cấp Nhà nước, hoặc cấp Bộ trưởng, Thứ trưởng) như sau: Việc tiếp khách quốc tế tại trụ sở cơ quan phải tuân thủ các quy định của pháp luật và quy chế của cơ sở giáo dục đại học tham chiếu quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thủ trưởng cơ quan tiếp khách quốc tế tại trụ sở cơ quan theo đề xuất của bộ phận có chức năng về Hợp tác quốc tế. Bộ phận Hợp tác quốc tế có trách nhiệm phối hợp với thông báo đến các đơn vị có liên quan để thu xếp và tổ chức buổi tiếp, đảm bảo đúng quy định về lễ tân đối ngoại. Đơn vị chức năng về truyền thông của cơ sở giáo dục đại học thực hiện công tác truyền thông. Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc cơ sở giáo dục đại học có liên quan (căn cứ thành phần trong lịch làm việc của lãnh đạo), tham dự buổi tiếp cùng Thủ trưởng trách nhiệm tham dự đầy đủ, trường hợp bất khả kháng không thể tham dự buổi tiếp thì cần báo cáo trước với Thủ trưởng đơn vị và cử đại diện lãnh đạo khác của đơn vị tham dự. Trường hợp Thủ trưởng đơn vị thuộc, trực thuộc được Thủ trưởng Cơ quan ủy quyền tiếp khách quốc tế, ít nhất 01 ngày trước khi diễn ra buổi tiếp, thủ trưởng đơn vị chủ trì thông báo tới bộ phận Hợp tác quốc tế về kế hoạch tiếp khách, chương trình làm việc và chủ động triển khai thực hiện. Tùy từng trường hợp cụ thể, bộ phận Hợp tác quốc tế sẽ cử đại diện tham dự. Chậm nhất là 05 ngày làm việc sau khi kết thúc buổi tiếp, thủ trưởng đơn vị chủ trì trực tiếp báo cáo Thủ trưởng cơ quan bằng văn bản kết quả buổi làm việc với khách nước ngoài đồng thời sao gửi cho bộ phận Hợp tác quốc tế để tổng hợp, theo dõi. Các đơn vị do tính chất công việc thường xuyên làm việc với khách quốc tế, phải báo cáo Thủ trưởng cơ quan lịch tiếp và làm việc với khách quốc tế định kỳ, phối hợp với Văn phòng tổ chức đón tiếp; định kỳ hàng tháng báo cáo Thủ trưởng tình hình làm việc với khách quốc tế, đồng thời sao gửi cho bộ phận Hợp tác quốc tế để tổng hợp, theo dõi. Thủ trưởng đơn vị chủ trì tiếp khách quốc tế phải trực tiếp hoặc ủy quyền cho người có đủ thẩm quyền, năng lực phù hợp với nội dung, mục đích buổi tiếp thực hiện việc tiếp khách quốc tế; chịu trách nhiệm về nội dung buổi tiếp.

Các cấp tiếp khách quốc tế gồm: a) Bộ trưởng các nước, Trưởng cơ quan đại diện ngoại giao hoặc các tổ chức quốc tế do Bộ trưởng chủ trì tiếp. Tùy theo tính chất công tác và lịch hoạt động, Bộ trưởng có thể ủy quyền các Thứ trưởng tiếp thay; b) Thứ trưởng, Quốc vụ khanh các nước, Phó Trưởng cơ quan đại diện ngoại giao hoặc các tổ chức quốc tế do Thứ trưởng chủ trì tiếp; c) Đại sứ chào xã giao đầu

nhiệm kỳ, chào từ biệt hết nhiệm kỳ do Bộ trưởng chủ trì tiếp; d) Đại sứ, đại diện lâm thời đến làm việc, trao đổi tiếp xúc do lãnh đạo Bộ, cấp Cục/Vụ tiếp tùy từng tính chất đối ngoại và làm việc; đ) Tham tán đến làm việc, trao đổi tiếp xúc do lãnh đạo cấp Cục/Vụ tiếp; e) Bí thư, tùy viên đến làm việc, trao đổi, tiếp xúc do trưởng/phó phòng, chuyên viên hợp tác quốc tế và đơn vị có liên quan tiếp (nếu không có yêu cầu gặp lãnh đạo cấp Cục/Vụ).

Việc sắp xếp người đón tiếp dựa trên nguyên tắc cùng cấp. Trong khi sắp xếp, căn cứ tình hình thực tiễn và nội dung công việc cũng như đề xuất từ phía đối tác có thể bố trí cán bộ làm việc phù hợp, đáp ứng kịp thời các yêu cầu để đưa lại hiệu quả cao nhất.

Cán bộ, công chức được cử tiếp khách quốc tế có trách nhiệm ghi chép đầy đủ nội dung và báo cáo Thủ trưởng đơn vị quản lý mình về kết quả buổi tiếp. Trong trường hợp cần thiết, Thủ trưởng đơn vị phối hợp với Cục Hợp tác quốc tế báo cáo Lãnh đạo Bộ kết quả buổi tiếp. Cán bộ, công chức khi tiếp xúc, trao đổi với khách quốc tế về nội dung liên quan đến công việc qua điện thoại, thư điện tử hoặc các phương tiện khác cần báo cáo kịp thời và đầy đủ với thủ trưởng đơn vị. Cán bộ, công chức của Bộ khi tham gia hoạt động đối ngoại cần tuân thủ quy định về lễ tân đối ngoại của Nhà nước và Quy chế văn hóa công sở của Bộ.

Quy định về quản lý quà tặng, quà biếu của khách quốc tế (Điều 29) như sau: Quà tặng, quà biếu của khách quốc tế tặng chung cho Bộ, cho các đơn vị thuộc Bộ cần được gửi cho Văn phòng để tiếp nhận, tổ chức theo dõi và phối hợp với Cục Hợp tác quốc tế đề xuất việc sử dụng vào các mục đích chung của Bộ.

Ngoài các quy định trên, cơ sở giáo dục đại học cần thực hiện theo hướng dẫn đảm bảo an ninh chính trị nội bộ cơ quan quản lý và lực lượng chức năng trên địa bàn.

IV - QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC, CHẾ TÀI, KHEN THƯỞNG LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC RA NGUỒC NGOÀI VÀ TIẾP XÚC VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

1. Đảng viên và kỷ luật đảng liên quan đến nước ngoài, hợp tác quốc tế

Các quy định về những điều đảng viên không được làm và kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm (liên quan đến nước ngoài, hợp tác quốc tế). Đảng viên cần chấp hành đầy đủ và nghiêm túc các quy định số 37-QĐ/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương. Trong trường hợp vi phạm sẽ áp dụng kỷ luật Đảng theo quy định tại Quyết định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị (kỷ luật Đảng).

Một số quy định về đảng viên đi nước ngoài cập nhật đến năm 2025 như sau:

Căn cứ theo Điều 12 Quy định 37-QĐ/TW năm 2021 quy định về những điều đảng viên không được làm.

*“**Điều 12.** Có hành vi chạy chức, chạy quyền, bao che, tiếp tay, can thiệp, tác động dưới mọi hình thức đến tổ chức, cá nhân để bản thân hoặc người khác được tiếp nhận, tuyển dụng, quy hoạch, luân chuyển, bổ nhiệm, đề cử, ứng cử, khen thưởng, phong tặng danh hiệu, đi học, đi nước ngoài, thực hiện chế độ, chính sách cán bộ trái quy định.”*

Ngoài ra theo quy định Điều 12 tại văn bản [Hướng dẫn 02-HD/UBKTTW năm 2021](#) về hành vi chạy chức, chạy quyền, bao che, tiếp tay, can thiệp, tác động dưới mọi hình thức đến tổ chức, cá nhân để bản thân hoặc người khác được tiếp nhận, tuyển dụng, quy hoạch, luân chuyển, bổ nhiệm, đề cử, ứng cử, khen thưởng, phong tặng danh hiệu, đi học, đi nước ngoài, thực hiện chế độ, chính sách cán bộ trái quy định như sau:

“Có hành vi chạy chức, chạy quyền, bao che, tiếp tay, can thiệp, tác động dưới mọi hình thức đến tổ chức, cá nhân để bản thân hoặc người khác được tiếp nhận, tuyển dụng, quy hoạch, luân chuyển, bổ nhiệm, đề cử, ứng cử, khen thưởng, phong tặng danh hiệu, đi học, đi nước ngoài, thực hiện chế độ, chính sách cán bộ trái quy định.

Đảng viên không được:

1. Có hành vi chạy chức, chạy quyền, can thiệp, tác động, gây sức ép; dùng vật chất hoặc các hình thức khác để tác động đến cá nhân, tổ chức có trách nhiệm giải quyết công việc để bản thân hoặc người khác được tuyển dụng, quy hoạch, luân chuyển, được bầu, chỉ định, bổ nhiệm, thăng cấp bậc hàm, phong tặng danh hiệu,

chức danh, học hàm, học vị, đề cử, ứng cử, khen thưởng, đi học, đi nước ngoài, thực hiện chính sách cán bộ trái quy định.

2. Thực hiện không nghiêm, không đúng, không đầy đủ nguyên tắc, thủ tục, quy trình về công tác cán bộ; làm sai lệch hoặc tự ý sửa chữa tài liệu, hồ sơ đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; nhận xét, đánh giá cán bộ không có căn cứ, thiếu trung thực, không khách quan. Không xử lý hoặc xử lý không đúng quy định cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý vi phạm các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của ngành, cơ quan, đơn vị, tổ chức nơi công tác, học tập.”

Căn cứ theo điểm d khoản 1 Điều 34 [Quy định 69-QĐ/TW năm 2022](#) về vi phạm quy định quan hệ với tổ chức, cá nhân người nước ngoài.

“Vi phạm quy định quan hệ với tổ chức, cá nhân người nước ngoài

1. Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

.....

d) Tự ý ra nước ngoài mà không báo cáo hoặc chưa được sự đồng ý của cấp ủy trực tiếp quản lý và cấp ủy nơi sinh hoạt.”

Như vậy, Đảng viên đi nước ngoài phải báo cáo hoặc xin phép sự đồng ý của cấp ủy trực tiếp quản lý và cấp ủy nơi sinh hoạt.

Đảng viên ra nước ngoài phải báo cáo và xin phép tổ chức Đảng nơi sinh hoạt. Nếu Đảng viên đi nước ngoài không xin phép thì bị xử lý kỷ luật theo quy định tại Điều 34 Quy định số 69-QĐ/TW, ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm. Cụ thể, đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

Thứ nhất: Tự mình đi du lịch, tham quan, học tập, chữa bệnh ở ngoài nước bằng tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền.

Thứ hai: Nhận lời mời ra nước ngoài hoặc làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân người nước ngoài mà không báo cáo hoặc chưa được sự đồng ý của tổ chức Đảng có thẩm quyền.

Thứ ba: Tự ý ra nước ngoài mà không báo cáo hoặc chưa được sự đồng ý của cấp ủy trực tiếp quản lý và cấp ủy nơi sinh hoạt.

Trường hợp đã bị kỷ luật khiển trách mà tái phạm thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ). Trường hợp gây hậu quả rất nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ.

Chi bộ nơi sinh hoạt, cấp ủy trực tiếp quản lý có trách nhiệm theo dõi, quản lý cán bộ, đảng viên ra nước ngoài; báo cáo cấp có thẩm quyền khi có yêu cầu về việc cán bộ, đảng viên ra nước ngoài. Cấp ủy, người đứng đầu cơ quan, đơn vị xem xét, xử lý hoặc đề nghị cấp ủy, người đứng đầu có thẩm quyền xem xét, xử lý khi cán bộ, đảng viên vi phạm quy định của Đảng và Nhà nước trong quan hệ, tiếp xúc với cá nhân, tổ chức nước ngoài.

Để giúp cán bộ, đảng viên thực hiện tốt việc báo cáo kết quả đi nước ngoài, thì cấp ủy, chi bộ, cơ quan quản lý cán bộ, đảng viên cần lưu ý nhắc nhở đảng viên ngay sau khi về nước (thời hạn 15 ngày làm việc sau khi nhập cảnh về nước) phải có báo cáo bằng văn bản để cấp ủy, chi bộ, cơ quan quản lý cán bộ nắm tình hình, tổng hợp và báo cáo cấp có thẩm quyền.

Thời hiệu kỷ luật đảng viên được quy định như sau:

Căn cứ theo Điều 4 Quy định 69-QĐ/TW năm 2022_về thời hiệu kỷ luật đối với đảng viên như sau:

“Thời hiệu kỷ luật

1. Thời hiệu kỷ luật là thời hạn được quy định trong Quy định này mà khi hết thời hạn đó thì tổ chức đảng, đảng viên vi phạm không bị kỷ luật.

2. Thời hiệu kỷ luật được tính từ thời điểm xảy ra hành vi vi phạm đến khi tổ chức đảng có thẩm quyền kết luận vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật. Nếu tổ chức đảng hoặc đảng viên có hành vi vi phạm mới trong thời hạn được quy định tại Điểm a, b Khoản này thì thời hiệu kỷ luật đối với vi phạm cũ được tính lại kể từ thời điểm xảy ra hành vi vi phạm mới.

.....

b) Thời hiệu kỷ luật đảng viên vi phạm như sau:

- 5 năm (60 tháng) đối với vi phạm đến mức phải áp dụng hình thức khiển trách.

- 10 năm (120 tháng) đối với vi phạm đến mức phải áp dụng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức.

- Không áp dụng thời hiệu kỷ luật đối với vi phạm đến mức phải áp dụng hình thức khai trừ; vi phạm chính trị nội bộ; vi phạm quốc phòng, an ninh, đối ngoại có

xâm hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc; việc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không hợp pháp.”

Theo đó, thời hiệu kỷ luật được tính từ thời điểm xảy ra hành vi vi phạm đến khi tổ chức đảng có thẩm quyền kết luận vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật.

- Đối với hành vi vi phạm áp dụng hình thức kỷ luật khiển trách thì thời hiệu kỷ luật là 5 năm (60 tháng).

- Đối với hành vi vi phạm áp dụng hình thức kỷ luật cảnh cáo hoặc cách chức thì thời hiệu kỷ luật là 10 năm (120 tháng).

- Đối với hành vi vi phạm áp dụng hình thức kỷ luật khai trừ thì không áp dụng thời hiệu kỷ luật.

Ngoài ra, đối với các hành vi vi phạm chính trị nội bộ; vi phạm quốc phòng, an ninh, đối ngoại có xâm hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc; việc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không hợp pháp sẽ không áp dụng thời hiệu kỷ luật.

Bên cạnh việc nhắc nhở cần có mẫu báo cáo hoặc hướng dẫn các nội dung cần báo cáo sau cho cán bộ, đảng viên nắm rõ. Các nội dung cần có trong báo cáo kết quả chuyến đi nước ngoài gồm: (i) Ra nước ngoài từ ngày..... đến ngày....; (ii) 2. Nơi đến (quốc gia, vùng lãnh thổ)...; (iii) Cơ quan, tổ chức, cá nhân mời, tài trợ chuyến đi (nếu có)...; (iv) Mục đích, lý do chuyến đi....; (v) Việc chấp hành các quy định pháp luật Việt Nam, pháp luật nước sở tại...; (vi) Việc chấp hành các quy định về bảo vệ nội bộ, thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên khi ở nước ngoài và khi quan hệ, tiếp xúc với tổ chức, cá nhân nước ngoài...; (v) Các vấn đề khác (nếu có – kèm theo các giấy tờ liên quan).

2. Quy định đối với cán bộ, giảng viên ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật

Hệ thống các quy định đối với cán bộ, giảng viên ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật chủ yếu được quy định trong Nghị định Chính phủ và 04 Thông tư hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Về tổng quát, Nghị định số 86/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 quy định về việc công dân Việt Nam về một số nội dung chính như sau: (i) Quyền và nghĩa vụ: Công dân Việt Nam có quyền tham gia các hoạt động giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước, đồng thời có nghĩa vụ tuân thủ các quy định của pháp luật. (ii) Hỗ trợ học tập: Chính phủ có chính sách hỗ trợ cho công dân Việt Nam trong việc học tập, nghiên cứu ở nước ngoài, bao gồm học bổng và các khoản hỗ trợ khác. (iii) Quy trình cử đi học, nghiên cứu: Quy định quy trình và thủ tục cử công dân đi

học tập, nghiên cứu ở nước ngoài cần có sự phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền. (iv) Báo cáo kết quả: Công dân sau khi hoàn thành chương trình học tập, nghiên cứu phải báo cáo kết quả về cơ quan quản lý. (v) Kết nối nguồn lực: Khuyến khích sự kết nối giữa các tổ chức trong nước và quốc tế để tạo điều kiện thuận lợi cho công dân trong việc phát triển nghề nghiệp. Nghị định số 86/2021/NĐ-CP nhằm thúc đẩy việc học tập và nghiên cứu khoa học của công dân Việt Nam, đồng thời đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật.

Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT quy định về việc cử cán bộ, giảng viên đi học tập, nghiên cứu ở nước ngoài với các nội dung chính như sau: (i) Đối tượng áp dụng: Cán bộ, giảng viên của các cơ sở giáo dục và đào tạo được cử đi học tập, nghiên cứu ở nước ngoài. (ii) Mục đích cử đi: Nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phát triển nguồn nhân lực cho ngành giáo dục. (iii) Thủ tục cử đi: Quy định rõ quy trình, hồ sơ và các bước cần thiết để được phê duyệt trước khi cử cán bộ, giảng viên ra nước ngoài. (iv) Chế độ hỗ trợ: Cung cấp thông tin về các chế độ tài chính, hỗ trợ cho cán bộ, giảng viên trong thời gian học tập, nghiên cứu. (v) Báo cáo kết quả: Sau khi hoàn thành chương trình, cán bộ, giảng viên phải báo cáo kết quả học tập và nghiên cứu về cơ quan cử đi. Thông tư này nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giảng viên trong việc nâng cao năng lực chuyên môn và thúc đẩy hợp tác quốc tế.

Thông tư số 15/2019/TT-BGDĐT quy định về quản lý và sử dụng các nguồn lực trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo quốc tế. Các nội dung chính như sau: (i) Đối tượng áp dụng: Quy định áp dụng cho các cơ sở giáo dục và đào tạo, tổ chức, cá nhân liên quan đến giáo dục và đào tạo quốc tế. (ii) Quản lý nguồn lực: Xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý trong việc quản lý, sử dụng và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động giáo dục và đào tạo quốc tế. (iii) Chế độ báo cáo: Các cơ sở giáo dục phải thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình sử dụng các nguồn lực, bao gồm tài chính và nhân lực. (iv) Hỗ trợ hợp tác quốc tế: Khuyến khích và tạo điều kiện cho các hoạt động hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo, bao gồm cấp học bổng, tài trợ và các chương trình trao đổi. (v) Đánh giá hiệu quả: Thiết lập cơ chế đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn lực trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo quốc tế để điều chỉnh kịp thời. Thông tư số 15/2019/TT-BGDĐT nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng các nguồn lực trong giáo dục và đào tạo quốc tế, thúc đẩy sự phát triển của ngành giáo dục Việt Nam.

Thông tư số 26/2016/TT-BGDĐT quy định về việc tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ tại các cơ sở giáo dục. Các nội dung chính như sau: (i) Đối tượng áp dụng: Quy định áp dụng cho các cơ sở giáo dục đại học và các tổ chức nghiên cứu khoa học. (ii) Mục tiêu hoạt động: Đề ra mục tiêu thúc đẩy nghiên cứu

khoa học và công nghệ, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. (iii) Quy trình tổ chức: Xác định quy trình tổ chức hoạt động nghiên cứu, bao gồm lập kế hoạch, triển khai, quản lý và đánh giá dự án nghiên cứu. (iv) Hỗ trợ và nguồn lực: Cung cấp thông tin về các nguồn lực hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu, bao gồm tài chính, nhân lực và cơ sở vật chất. (v) Báo cáo và đánh giá: Các cơ sở giáo dục cần thực hiện báo cáo định kỳ về kết quả nghiên cứu và đánh giá hiệu quả của các hoạt động khoa học và công nghệ. Thông tư số 26/2016/TT-BGDĐT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển nghiên cứu khoa học và công nghệ tại các cơ sở giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT hướng dẫn về đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục với các nội dung chính như sau: (i) Đối tượng áp dụng: Quy định áp dụng cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục ở các cấp học và cơ sở giáo dục. (ii) Mục tiêu đào tạo: Nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. (iii) Nội dung đào tạo: Xác định rõ các nội dung cần thiết trong chương trình đào tạo, bao gồm kiến thức chuyên môn, kỹ năng sư phạm và quản lý giáo dục. (iv) Phương thức tổ chức: Hướng dẫn các phương thức tổ chức đào tạo và bồi dưỡng, bao gồm hình thức tập huấn, hội thảo, đào tạo từ xa và thực hành. (v) Đánh giá và cấp chứng chỉ: Quy định về việc đánh giá kết quả đào tạo và bồi dưỡng, cấp chứng chỉ cho những người hoàn thành chương trình. (vi) Thông tư này nhằm tạo điều kiện cho giáo viên và cán bộ quản lý nâng cao trình độ, góp phần cải thiện chất lượng giáo dục.

Thông tư hướng dẫn Nghị định số 86/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 về việc công dân Việt Nam thường là **Thông tư số 04/2022/TT-BGDĐT**. Thông tư này quy định chi tiết về việc cử cán bộ, giảng viên đi học tập, nghiên cứu, giảng dạy ở nước ngoài và các nội dung liên quan đến quản lý, sử dụng nguồn lực cho các hoạt động này. Thông tư số 04/2022/TT-BGDĐT hướng dẫn Nghị định số 86/2021/NĐ-CP về việc công dân Việt Nam với các nội dung chính như sau: (i) Đối tượng áp dụng: Quy định áp dụng cho công dân Việt Nam được cử đi học tập, nghiên cứu, giảng dạy ở nước ngoài. (ii) Mục đích cử đi: Nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phát triển nguồn nhân lực cho ngành giáo dục và các lĩnh vực khác. (iii) Thủ tục cử đi: Hướng dẫn quy trình, hồ sơ và thủ tục cần thiết để cử công dân ra nước ngoài, bao gồm việc phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền. (iv) Chế độ hỗ trợ: Quy định về các chế độ tài chính, hỗ trợ cho công dân trong thời gian học tập và nghiên cứu ở nước ngoài. (v) Báo cáo kết quả: Công dân sau khi hoàn thành chương trình học tập, nghiên cứu phải báo cáo kết quả về cơ quan cử đi. Thông tư này nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công dân Việt Nam trong việc phát triển năng lực chuyên môn và thúc đẩy hợp tác quốc tế.

Như vậy, theo quy định hiện hành, cán bộ, giảng viên ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật phục vụ mục đích Học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, thúc đẩy hợp tác quốc tế. Về thủ tục xin phép, cán bộ, giảng viên cần làm hồ sơ xin phép và được phê duyệt trước khi đi nước ngoài. Thông tư số 04/2022/TT-BGDĐT quy định cụ thể về thủ tục cử công dân ra nước ngoài học tập, nghiên cứu như sau: Quy trình cử đi gồm lập (i) kế hoạch: Cơ sở giáo dục hoặc tổ chức có nhu cầu cử cán bộ, giảng viên cần lập kế hoạch chi tiết về chương trình học tập, nghiên cứu. (ii) Thẩm định: Kế hoạch cử đi phải được thẩm định và phê duyệt bởi cơ quan có thẩm quyền. Hồ sơ cử đi gồm (i) Đơn xin cử đi: Cán bộ, giảng viên cần nộp đơn xin cử đi học tập, nghiên cứu; (ii) Chương trình học tập: Hồ sơ phải bao gồm chương trình học tập, nghiên cứu cụ thể, (iii) Giấy tờ liên quan: Các giấy tờ như bằng cấp, chứng chỉ, hợp đồng làm việc (nếu có) và các tài liệu chứng minh năng lực chuyên môn. Về phê duyệt, cơ quan phê duyệt: Hồ sơ cử đi phải được gửi đến cơ quan quản lý có thẩm quyền (Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc các cơ quan khác tùy theo từng trường hợp). Thời gian phê duyệt: Cơ quan có thẩm quyền sẽ xem xét và phê duyệt hồ sơ trong thời gian quy định. Về thông báo kết quả, đối với thông báo cử đi, sau khi phê duyệt, cơ quan sẽ thông báo kết quả cho cơ sở giáo dục và cá nhân liên quan. Về hỗ trợ chuẩn bị gồm cung cấp hỗ trợ cần thiết cho cá nhân trước khi lên đường, bao gồm thông tin về visa, nơi ở, và các vấn đề liên quan khác. Thông tư này nhằm đảm bảo quy trình cử công dân ra nước ngoài được thực hiện một cách minh bạch, hiệu quả và đúng quy định pháp luật. Sau khi hoàn thành, cán bộ, giảng viên phải báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu và các hoạt động đã thực hiện.

3. Khen thưởng đối với tập thể, cá nhân người nước ngoài có thành tích trong hợp tác quốc tế

Theo Điều 35 Quyết định số 3767 quy định tại về Khen thưởng đối với tập thể, cá nhân người nước ngoài có thành tích trong hợp tác quốc tế như sau:

Đối với những tập thể, cá nhân người nước ngoài có thành tích tiêu biểu xuất sắc, đóng góp tích cực cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo Việt Nam, góp phần tăng cường quan hệ hữu nghị hợp tác tốt đẹp giữa giáo dục và đào tạo Việt Nam với các nước và các tổ chức quốc tế, Cục Hợp tác quốc tế phối hợp với Vụ Thi đua - Khen thưởng thực hiện quy trình xem xét, đề nghị Nhà nước tặng Huân chương, Huy chương Hữu nghị hoặc đề nghị Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định tặng thưởng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục”, Bằng khen của Bộ trưởng theo quy định.

Hồ sơ đề nghị khen thưởng cho tập thể hoặc cá nhân người nước ngoài có 03 bộ (bản chính) đối với khen thưởng cấp Nhà nước và 01 bộ (bản chính) đối với khen

thưởng cấp Bộ, gồm: a) Bản kê khai thành tích tập thể hoặc cá nhân theo mẫu số 08 và số 09 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; b) Tóm tắt thành tích; c) Tờ trình đề nghị khen thưởng của cấp có thẩm quyền; d) Văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về nghĩa vụ phải thực hiện đối với Nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật (nếu có). Cục Hợp tác quốc tế thực hiện xin ý kiến hiệp y bằng văn bản của Bộ Ngoại giao, Bộ Công an (đối với tập thể, cá nhân người nước ngoài ở Việt Nam); gửi hồ sơ về Vụ Thi đua - Khen thưởng để thẩm định, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền xét, quyết định khen thưởng. Cục Hợp tác quốc tế chủ trì trình Bộ trưởng xem xét, quyết định cử một lãnh đạo Bộ thực hiện trao tặng Huân chương, Huy chương Hữu nghị, Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục” hoặc Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường hợp đặc biệt có thể ủy quyền lãnh đạo Cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài hoặc lãnh đạo UBND cấp tỉnh thực hiện trao tặng. Lễ trao tặng phải được tổ chức trang trọng và phù hợp.

Trên đây là một số thông tin hướng dẫn thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và tiếp xúc, làm việc với nước ngoài ./.

PHẦN B – CÁC VĂN BẢN

Đường link các văn bản có tại website Trường Đại học Hòa Bình tại các đường dẫn như sau:

1. Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục

Đường link: <https://daihochoabinh.edu.vn/ngphi-dinh-so-86-2018-nd-cp-ngay-06-6-2018-quy-dinh-ve-hop-tac-dau-tu-cua-nuoc-ngoai-trong-linh-vuc-giao-duc>

2. Nghị định số 15/2019/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp

Đường link: <https://daihochoabinh.edu.vn/ngphi-dinh-so-15-2019-nd-cp-cua-chinh-phu-quy-dinh-chi-tiet-mot-so-dieu-va-bien-phap-thi-hanh-luat-giao-duc-nghe-nghiep>

3. Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg: Tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam

Đường link: <https://daihochoabinh.edu.vn/quyet-dinh-so-06-2020-qd-ttg-to-chuc-va-quan-ly-hoi-nghi-hoi-thao-quoc-te-tai-viet-nam>

4. Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 8/7/2020 của Chính phủ quy định về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam

Đường link: <https://daihochoabinh.edu.vn/ngphi-dinh-so-80-2020-nd-cp-ngay-8-7-2020-cua-chinh-phu-quy-dinh-ve-quan-ly-va-su-dung-vien-tro-khong-hoan-lai-khong-thuoc-ho-tro-phat-trien-chinh-thuc-cua-cac-co-quan-to-chuc-ca-nhan-nuoc-ngoai-danh>

5. Quyết định 3767/QĐ-BGDDT ngày 18/11/2020 ban hành Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của Bộ GD&ĐT. (Việc tổ chức tiệc chiêu đãi, tặng quà cho đối tác nước ngoài)

Đường link: <https://daihochoabinh.edu.vn/quyet-dinh-3767-qd-bgddt-ngay-18-11-2020-ban-hanh-quy-che-quan-ly-hoat-dong-doi-ngoai-cua-bo-gddt-viec-to-chuc-tiec-chieu-dai-tang-qua-cho-doi-tac-nuoc-ngoai>

6. Nghị định số 86/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật

Đường link: <https://daihochoabinh.edu.vn/nghi-dinh-so-86-2021-nd-cp-ngay-25-9-2021-cua-chinh-phu-quy-dinh-viec-cong-dan-viet-nam-ra-nuoc-ngoai-hoc-tap-giang-day-nghien-cuu-khoa-hoc-va-trao-doi-hoc-thuat>

7. Quy định số 37-QĐ/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm

Đường link: <https://daihochoabinh.edu.vn/quy-dinh-so-37-qd-tw-ngay-25-10-2021-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-ve-nhung-dieu-dang-vien-khong-duoc-lam>

8. Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài

Đường link: <https://daihochoabinh.edu.vn/nghi-dinh-ve-quan-ly-va-su-dung-von-ho-tro-phat-trien-chinh-thuc-oda-va-von-vay-uu-dai-cua-nha-tai-tro-nuoc-ngoai>

9. Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài

Đường link: <https://daihochoabinh.edu.vn/nghi-dinh-so-20-2023-nd-cp-ngay-04-5-2023-sua-doi-bo-sung-mot-so-dieu-cua-nghi-dinh-so-114-2021-nd-cp-ngay-16-thang-12-nam-2021-ve-quan-ly-va-su-dung-von-ho-tro-phat-trien-chinh-thuc-oda-va-von-vay>

10. Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm (liên quan đến nước ngoài, hợp tác quốc tế)

Đường link: <https://daihochoabinh.edu.vn/quy-dinh-so-69-qd-tw-ngay-06-7-2022-cua-bo-chinh-tri-ve-ky-luat-to-chuc-dang-dang-vien-vi-pham-lien-quan-den-nuoc-ngoai-hop-tac-quoc-te>

11. Kết luận số 57-KL/TW ngày 15/6/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới

Đường link: <https://daihochoabinh.edu.vn/ket-luan-so-57-kl-tw-ngay-15-6-2023-cua-bo-chinh-tri-ve-tiep-tuc-nang-cao-chat-luong-hieu-qua-cong-tac-thong-tin-doi-ngoai-trong-tinh-hinh-moi>

12. Nghị định số 124/2024/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục

Đường link: <https://daihochoabinh.edu.vn/nghi-dinh-so-124-2024-nd-cp-cua-chinh-phu-sua-doi-bo-sung-mot-so-dieu-cua-nghi-dinh-so-86-2018-nd-cp-ngay-06-thang-6-nam-2018-cua-chinh-phu-quy-dinh-ve-hop-tac-dau-tu-cua-nuoc-ngoai-trong-linh-vuc>

13. Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 19/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo đến năm 2030

Đường link: <https://daihochoabinh.edu.vn/quyet-dinh-so-1600-qd-ttg-ngay-19-12-2024-cua-thu-tuong-chinh-phu-phe-duyet-de-an-hoi-nhap-quoc-te-trong-giao-duc-va-dao-tao-den-nam-2030>

14. Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học; đại học

Đường link: <https://daihochoabinh.edu.vn/thong-tu-so-05-2025-tt-bgddt-cua-bo-giao-duc-va-dao-tao-quy-dinh-che-do-lam-viec-doi-voi-giao-vien-pho-thong-du-bi-dai-hoc-dai-hoc>

15. Nghị quyết 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế trong tình hình mới

Đường link: <https://daihochoabinh.edu.vn/hop-tac-quoc-te/van-ban-quy-dinh-htqt>

16. Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BGDĐT hướng dẫn thực hiện 02 Nghị định số Nghị định số 86/2021/NĐ-CP và Nghị định số 124/2024/NĐ-CP về hợp tác, đầu tư nước ngoài.

Đường link: <https://daihochoabinh.edu.vn/thong-tu-quy-dinh-ve-lien-ket-dao-tao-giua-co-so-giao-duc-dai-hoc-viet-nam-va-co-so-giao-duc-dai-hoc-nuoc-ngoai-trinh-do-dai-hoc-thac-si-va-tien-si>